

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

Phần 11

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn Tây Phương trong phần Sáu Phương Chư Phật, trước hết chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh".

舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: "Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này").

Trong đoạn này, đức Thế Tôn nêu danh hiệu của bảy vị Phật trong các thế giới ở phương Tây. Quý vị thấy trong hai phần trên đều là năm vị Phật, ở chỗ này đột nhiên lại kể tên bảy vị Phật. Trong pháp hội Di Đà, con số Bảy tượng trưng cho viên mãn, như trong phần trước chúng ta đã thấy "thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, thất trùng lan thuẫn" (bảy tầng lưới幔, bảy tầng hàng cây, bảy tầng lan chắn). "Bảy" ở đây không phải là con số mà hoàn toàn nhằm biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn. Con số Bảy biểu thị viên mãn vì bốn phương, trên, dưới, thêm vào chính giữa thì sẽ là viên

mãn. Kinh Hoa Nghiêm dùng con số Mười để biểu thị viên mãn, Mười là con số, từ một đến mười, đó là con số viên mãn. Từ mười đến một trăm, từ một trăm đến một ngàn đều nhằm biểu thị sự viên mãn. Kinh Di Đà dùng số Bảy để biểu thị viên mãn; chúng ta thấy trong kinh Vô Lượng Thọ có bảy, có mười sáu, có hai mươi một, có hai trăm mười ức đều nhằm biểu thị sự viên mãn, đều chẳng thể hiểu chúng chỉ là những con số. Thế giới Cực Lạc ở phương Tây, cho nên liệt kê danh hiệu bảy vị Phật ở phương Tây.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật có phải là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Cũng có thể nói như vậy! Nhưng như trong phần trên đã nói, phương Tây có Hằng hà sa số chư Phật, trong số hết thảy chư Phật, có rất nhiều vị Phật đồng danh đồng hiệu. Dầu đồng danh đồng hiệu, nhưng Vô Lượng Thọ Phật của Tây Phương Cực Lạc thế giới được đặc biệt tôn kính, là do ý nghĩa nào? Trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi, thế giới Cực Lạc không phải là một thế giới bình thường, mà là thế giới như thế nào? Giống như hết thảy chư Phật lập một ngôi trường ở đó, ngôi trường ấy là trường học của Phật, Bồ Tát. Hết thảy chư Phật giống như gia trưởng (người chủ trong gia đình), hết thảy chúng sanh giống như con cái; con cái muốn thành Phật, thành tựu trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn thì phải đến đó học. Vì thế, lập ra một ngôi trường như vậy!

A Di Đà Phật làm hiệu trưởng của ngôi trường ấy, Quán Âm và Thế Chí giống như chủ nhiệm giáo vụ, chủ nhiệm huấn đạo. Vị hiệu trưởng ấy được hết thảy các gia trưởng tôn kính. Chắc từ tỷ dụ này quý vị hiểu rõ vì sao không một vị Phật nào lại chẳng tôn kính, tán thán A Di Đà Phật, vì sao? Chư Phật có tôn trọng thì đệ tử chư Phật mới tôn trọng; gia trưởng có tôn trọng thì con cái mới tôn trọng. Vì thế, chư Phật (gia trưởng) phải đứng ra nêu gương, dầu Phật Phật đạo đồng, các vị Phật hoàn toàn bình đẳng, không có sai biệt, nhưng để biểu thị pháp, để giáo hóa chúng sanh nên hết thảy chư Phật đặc biệt tôn kính vị hiệu trưởng ấy. Đạo lý là như vậy đó! Vì thế, trong đoạn này, kinh văn liệt kê bảy đức Phật để biểu thị sự viên mãn.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật. Chúng ta thấy Vô Lượng Thọ là thọ mạng vô lượng. Thọ là một loại phước báo, người Hoa thường nói "*ngũ phước lâm môn*" (năm thứ phước vào cửa), phước bậc nhất trong năm phước là Thọ. Từ xưa, tổ sư đại đức khi giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ, nói đức bậc nhất (đức tánh to lớn nhất) của Tây Phương Tịnh Độ là gì? Thọ mạng trường cửu! Có thọ mạng trường cửu thì chúng ta tu hành chứng quả mới không khó; chẳng hạn như nói theo kinh này, phạm phu từ Sơ Phát Tâm đến khi tu thành Phật quả phải trải vô lượng kiếp; hàng Pháp Thân Bồ Tát từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo tu cho đến khi viên mãn Phật quả phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp. Những con số ấy đều là con số thiên văn, không

cách nào tính toán được! Đức Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng lần vô lượng thọ, hãy nên giảng như thế nào?

Nên biết "vô lượng" là một đơn vị số đếm của cổ Ấn Độ; kể từ A-tăng-kỳ trở đi là mười con số lớn cuối cùng. A-tăng-kỳ là con số lớn nhất đầu tiên [trong mười số ấy]. Mười con số lớn này không tính theo lối gấp mười mà tính theo lối nhân gấp bội. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, tính theo cách như thế! Do vậy, Vô Lượng Thọ vẫn còn là có hạn lượng, nhưng số lượng ấy không quan trọng! Nếu cứ tính là một Vô Lượng thôi thì thọ mạng của quý vị là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, nhưng để thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba A-tăng-kỳ! Thọ mạng của quý vị là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, vậy thì ba A-tăng-kỳ có thắm vào đâu! Giống như người sống được một trăm tuổi, để thành tựu tu hành chứng quả, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, phải cần bao nhiêu thời gian? Ba ngày thôi! Thọ mạng một trăm năm, ba ngày thắm vào đâu? Chẳng phải là quyết định thành Phật ư?

Thành Phật đúng là vô lượng không hạn lượng, thực sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng, mà là vô lượng không hạn lượng. Do vậy, ta có thể nói phàm ai往昔 sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thọ mạng vô lượng không hạn lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng. Vì sao? Do họ đều có thể trong một thời gian rất ngắn (dựa trên thọ mạng của họ để so sánh) chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, rốt ráo Phật quả, đó là phẩm đức bậc nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới! Bất cứ thế giới nào khác đều không có chuyện này. Chỉ dựa vào một điều này thôi, nếu chúng ta thực sự thấu hiểu rõ ràng sẽ chẳng thể không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị chẳng muốn sanh về đó là lầm lạc quá đỗi rồi! Như vậy, trong danh hiệu này có phước báo, có phước, có thọ, phước vô lượng, thọ vô lượng. Như tôi vừa mới nói đó, vô lượng ở đây thực sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng.

Vị Phật thứ hai là Vô Lượng Tướng Phật. Tướng là tướng hảo, biểu thị phú quý. Người thế gian chúng ta thường nói người nào đó có "phước tướng", [tức là người ấy có] tướng giàu có, tướng cao quý. "Quý" là có địa vị cao cả trong xã hội như quốc vương, đại thần có quý tướng. Giàu là của cải dư dật. Vô Lượng Tướng Phật là vừa tôn quý lại vừa giàu có, vô lượng vô biên phước đức và của cải.

Vị Phật thứ ba là Vô Lượng Tràng Phật. Tràng (幢) tiêu biểu cho những gì cao cả, rõ ràng, cao hiển. Tràng có nghĩa là được hết thảy đại chúng tôn kính, đức cao, chúng ta thường nói là "đức cao vọng trọng", [tức là] đức cao, trí cao, danh cao, nay ta nói là mức độ nổi danh rộng khắp; không ai chẳng ca ngợi. Quý vị thấy đó, cả ba điều sau đây đức Phật đều hội đủ: Thọ

mạng, phú quý, cao hiển (tài nghệ cao), không gì chẳng cao; những điều ấy đều nhằm biểu thị quả báo. Quả báo do đâu mà có? Quả nhất định phải có nhân; vì thế, ba đức Phật tiếp theo đại diện cho nhân hạnh.

Đại Quang Phật: Quang là quang minh trí huệ, Ngài đại diện cho Trí; bởi lẽ phước thọ, phú quý, cao hiển đều do trí huệ sanh ra.

Đại Minh Phật: “*Minh*” là chiếu sáng, tức là đại trí khởi tác dụng. Tác dụng ấy gồm có Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng. Ở phần trên đã nói đến phước báo, phú quý, cao hiển; cao hiển là Tự Thọ Dụng, đồng thời cũng là tác dụng giáo hóa chúng sanh; không có đại trí, đại đức, đại năng như thế, làm sao có thể giáo hóa chúng sanh? Chính mình phải có những thành tựu thù thắng như thế thì mới có năng lực giúp cho người khác thành tựu, trí huệ khởi tác dụng là như vậy! Y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều là do trí huệ của A Di Đà Phật khởi tác dụng. Phàm đại chúng từ mười phương thế giới vãng sanh thế giới Cực Lạc đều là do tịnh nghiệp của họ khởi tác dụng. Do tịnh nghiệp đã tu của người vãng sanh tương ứng với nguyện hạnh của A Di Đà Phật nên chiêu cảm được [như vậy]. Trong phần khai thị của Hệ Niệm Pháp Sự này, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ ràng.

Bảo Tướng Phật biểu thị sự tôn thắng. Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: “*Phật hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo*” (Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ đạt được thân Kim Cang Na La Diên, Kim Cang Na La Diên (Vajra-nārāyana) là thân kim cang. Kim Cang Lực Sĩ^[1] thân thể cứng chắc, không ai sánh bằng. Thân thể Phật giống như vậy đó. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thế giới phương khác không thể sánh bằng, điều thù thắng nhất là gì? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thân thể, tướng hảo, quang minh, trí huệ, đức năng, phước báo của chính mình tự hồ gần bằng với A Di Đà Phật. Mười phương thế giới chắc chắn chẳng có việc như vậy, [ở Cực Lạc] hưởng phước của A Di Đà Phật mà! Thật là chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, *Bảo Tướng Phật* biểu thị sự tôn thắng. Nếu quan sát kỹ sáu đức Phật này thì trí huệ, thọ mạng, phước đức, tức những điều hết thảy chúng sanh mong cầu, các Ngài đều trọn đủ, lại còn rất ráo viên mãn, không thiếu khuyết chút nào.

[1] Kim Cang Lực Sĩ là thần hộ pháp của Phật giáo. Vị này thường được coi là hóa thân của Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapani). Kim Cang Lực Sĩ là danh xưng chung để chỉ các vị thần hộ pháp tay cầm Kim Cang Xử bảo vệ Phật pháp như Kim Cang Mật Tích (Guhyapāda-Vajra), Na La Diên Kim Cang, Chấp Kim Cang Thần (Vajradhara, còn dịch là Trì Kim Cang, Kim Cang Thủ, Kim Cang Dạ Xoa, Đại Lực Kim Cang Thần, Kim Cang Lực Quỷ Thần) v.v... Theo sách Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 24: “*Na La, cõi này dịch là Nhân (con người), Diên cõi này dịch là Bốn Sanh. Na La Diên là Nhân Bốn Sanh (sanh ra con người), tức là Phạm Vương vậy*”. Như vậy, Na La Diên là danh xưng khác của Phạm Vương.

"*Vô phước chẳng thể độ sanh, thành Phật rồi, trăm kiếp tu phước*". Nếu quý vị không có phước báo, quý vị chẳng thể độ sanh. Vì sao? Dù có trí huệ, có năng lực, nhưng tướng mạo không tốt, người ta vừa nhìn bèn nghĩ: "Gã này không có phước báo!", đánh mất tín tâm đối với quý vị. Thuyết pháp cho họ nghe, họ bèn hoài nghi, chẳng thể tin nhận phụng hành. Vì thế, Bồ Tát thành Phật, phải dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên môn tu phước báo, tu tướng hảo! Trong nhà Phật thường nói là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ngạn ngữ thường nói "*tướng tùy tâm chuyển*". Phải dùng cả một thời gian dài như thế để tu điều gì? Tu cái tâm thuần thiện thuần tịnh, cái hạnh thuần thiện thuần tịnh. Tâm hạnh thuần thiện thuần tịnh, sẽ cảm được tướng hảo, quang minh. Tướng Phật đúng là viên mãn, ai trông thấy cũng đều yêu mến. Tướng hảo tiếp dẫn chúng sanh, chúng sanh thích thấy, bằng lòng đi theo, bằng lòng học theo, bằng lòng nghe giảng dạy, y giáo phụng hành.

Nói thật ra, công phu tu hành của quý vị đắc lực hay không, quý vị có bao nhiêu công phu không thể lừa người khác chút xíu nào, vì sao? Vì đều thể hiện trên tướng hảo của quý vị! Ngạn ngữ Trung Quốc đã nói về việc này rất có lý như sau: "Một người trước khi tròn bốn mươi tuổi, mạng tướng chịu ảnh hưởng của tiên thiên^{2[2]}, tức là chịu ảnh hưởng của nghiệp báo trong đời quá khứ. Từ bốn mươi tuổi trở đi, chịu ảnh hưởng của hậu thiên; nói cách khác, chính mình phải chịu trách nhiệm". Khởi tâm động niệm, hết thảy hành vi trong bốn mươi năm sẽ biến đổi tướng mạo trang nghiêm. Bởi thế, người nào đến tuổi già, tướng mạo đoan nghiêm thì nhất định phải là người tốt, tu phước, tu cả đời. Tướng chuyển theo tâm, mạng chuyển theo tâm. Thân thể và thể chất của chúng ta cũng chuyển theo tâm!

Qua thí nghiệm kết tinh nước, tiên sinh Giang Bốn Thăng đã chứng minh điều này, chứng minh những điều được nói trong kinh Đại Thừa: Vũ trụ sống động! Chính ngay trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng: "*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thể giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*" (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện, hết thảy nhân quả, vi trần, thể giới, do tâm mà thành Thể). Ấy là do tâm hiện, thức biến, là bản năng (năng lực sẵn có) của tâm. Năng lực ấy bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, chẳng phải có, chẳng phải không, vĩnh hằng. Bản năng ấy là gì vậy? Bản năng là có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết; trong phần khai thị của Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong gọi [bản năng ấy] là "*tâm linh tri*".

2[2] Tiên thiên: Những gì được bẩm sanh, tức là điều kiện về thân thể được hình thành từ lúc bắt đầu mang thai cho đến khi được sinh ra. Hậu thiên là những biến đổi về thân thể do cách nuôi dưỡng và chăm sóc.

Nói về Tâm, Ngài cũng giảng ba thứ. Thứ nhất là Nhục Đoàn Tâm, tức là trái tim trong thân thể chúng ta. Đó là trái tim thịt, chỉ là một cơ quan mà thôi, không có tác dụng gì lớn lao cho lắm [ngoài việc duy trì sự sống]. Thứ hai là Duyên Lự Tâm, nghĩa là mọi người chúng ta có khả năng suy nghĩ, tưởng tượng, phân biệt thị - phi, thiện - ác, cũng như mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều thuộc về cái tâm này. Trong Phật pháp, tâm ấy được gọi là Thức. Thức là sở biến (cái được biến hiện), nó có thể biến, duy thức sở biến, Duyên Lự Tâm là sở biến. Cảnh giới ấy hiện tượng, [chủ thể có khả năng] hiện tượng là chân tâm. Chân tâm được gọi là "*linh tri tâm*", [tức là cái tâm có khả năng] linh minh giác tri. Chữ "*linh*" bao hàm cả ba chữ kia (tức "minh, giác, tri"); kinh Lăng Nghiêm nói bốn chữ, chữ "*linh*" bao gồm kiến, văn, giác (thấy, nghe, cảm nhận). Linh là như vậy đó! Sau "*linh*" còn có một chữ "*tri*" nữa, "*linh tri*" là "*kiến - văn - giác - tri*".

Từ thực nghiệm khoa học, phát hiện nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu được ý tưởng con người, tùy theo trạng huống ý tưởng con người mà nước biến hóa bất đồng, đây chẳng phải là như kinh Phật thường nói "*cảnh chuyển theo tâm*" hay sao? Thế gian xem tướng đoán mạng cũng thường nói "*tướng chuyển theo tâm*", thật vậy đó! Mạng chuyển theo tâm, Phong Thủy cũng chuyển theo tâm. Phong Thủy là hoàn cảnh chúng ta đang sống; vì thế, các nhà Phong Thủy thường nói: "*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*" (Người có phước sống nơi đất có phước, đất tốt lành thì người có phước ở). Vấn đề là chính mình phải tu phước. Tự mình tu phước thì bất luận sống tại nơi nào, Phong Thủy nơi đó sẽ tự nhiên biến đổi, hoàn toàn giống như hiện tượng nước kết tinh. Thí nghiệm khoa học chứng minh những đạo lý và những sự tướng đã được nói trong kinh Phật. Đối với điều này chúng ta tin sâu không nghi.

Cái hay của việc học Phật là chuyển được cảnh giới. Chúng tôi thường nói: Chuyển cảnh giới thì chuyện đầu tiên là chuyển thân thể. Thân thể chúng ta vốn chẳng khỏe mạnh mà chuyển thành khỏe mạnh, thọ mạng vốn không dài chuyển thành trường thọ. Tình trạng thông thường là từ sáu mươi tuổi trở đi, con người dần dần suy lão, khí quan dần dần lão hóa. Người học Phật có khả năng giảm chậm sự lão hóa khí quan; vốn sáu mươi tuổi bị lão hóa nhưng phải đến năm tám mươi tuổi vẫn chưa bị lão hóa, tai nghe mắt thấy rõ ràng, mắt không lòa, tai không điếc, da dẻ không nhăn nheo; đó là công phu niệm Phật, công phu tu hành của quý vị! Vì vậy, công phu tu hành nhìn ở chỗ này. Nếu cảnh giới nơi cái thân mình không chuyển được, há quý vị còn có thể chuyển được cảnh giới bên ngoài ư? Đầu tiên là phải chuyển cảnh giới nơi cái thân mình. Cái đầu tiên phải chuyển nơi thân là vẻ mặt. Nói cách khác, quý vị học Phật mười năm, hai mươi năm, hãy xét kỹ xem quý vị có đoan nghiêm và an tường như Phật hay chẳng?

Vị Phật cuối cùng, tức vị Phật thứ bảy ở Tây Phương là Tịnh Quang Phật, Ngài "*biểu thị pháp tu phước căn bản*". Quý vị thấy: Ở phần trên nói đến tu huệ, còn ở đây là tu phước! Tây Phương Cực Lạc thế giới tu phước, phương Nam tu huệ, phương Tây tu phước. "*Phải tu ba nghiệp thanh tịnh quang minh, thành mãn đại phước*". "*Thành*" là thành tựu, "*mãn*" là viên mãn. Vì vậy, quý vị thấy phương pháp tu phước là "*tịnh*", "*quang*", thuần tịnh! Thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh, đại phước báo!

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, có một câu dạy chúng ta: "*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ*" (Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết thảy khổ thế gian). Pháp ấy thù thắng. Pháp gì vậy? Chúng ta phải nghe cho kỹ, phải học cho khéo. Phật dạy: "*Thường niệm thiện pháp*", tức là tâm thiện, "*tư duy thiện pháp*" tức suy nghĩ thiện, "*quán sát thiện pháp*" tức hành vi thiện. Sau đó lại nói: "*Bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*" (Chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp). Câu này rất quan trọng! Nay chúng ta tu hành, tu hành thành tựu không rõ ràng, không có gì chuyển biến rõ rệt, là vì nguyên nhân nào? Vì quý vị tu bị xen tạp. Điều thiện quý vị tu bị xen tạp bất thiện, tâm xen tạp bất thiện, niệm xen tạp bất thiện, hành vi cũng xen tạp bất thiện. Vì thế, hiệu quả không rõ ràng, không trừ nghiệp chướng được, nguyên nhân là do đây.

Phỏng theo cách đức Thế Tôn thuyết pháp, chúng tôi bảo mọi người: Tâm chúng ta "*thường niệm pháp thanh tịnh, tư duy tịnh pháp, quán sát tịnh pháp*". Vì thế, trong những năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng thuần thiện thuần tịnh, "*bất dung hào phân bất tịnh hiệp tạp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*" (chẳng dung mảy may bất tịnh xen tạp, chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp). Đó chính là Tịnh Quang Phật! Tâm chúng ta thanh tịnh, hiền lành, tư tưởng thanh tịnh, hiền lành, hành vi thanh tịnh, hiền lành, hoàn toàn tương ứng với Tịnh Độ, vô lượng trí huệ phước đức bèn hiện tiền. Trí huệ, phước đức hiện tiền, quý vị sẽ biết rõ ràng, rành mạch.

Người thực sự học Phật chẳng sanh bệnh. Thời đầu Dân Quốc, vị giảng kinh thuyết pháp nổi tiếng nhất là lão pháp sư Để Nhàn (Ngài giảng kinh thuyết pháp nổi danh nhất thời ấy), có một thời kỳ Ngài bị bệnh. Chuyện này đồn đến tai pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang liền gửi một lá thư: "*Ông là pháp sư giảng kinh thuyết pháp, làm sao có thể sanh bệnh được?*" Lời tố Ấn Quang rất hữu lý, bệnh là gì? Bệnh là nghiệp bất thiện, nếu tâm địa thực sự thuần thiện thuần tịnh, làm sao sanh bệnh được? Tâm thanh tịnh quyết định chẳng nhiễm virus, tâm từ bi chắc chắn có thể hóa giải virus. Vì thế, ai tâm địa thanh tịnh từ bi sẽ chẳng sanh bệnh; nói cách khác, thân quý vị thường có bệnh chứng tỏ tâm quý vị không thanh tịnh, không từ bi. Nếu tâm địa thực sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, mỗi tế bào

nơi thân quyết định rất bình ổn, những tế bào trong thân rất tự nhiên giữ đúng trật tự, cho nên thân thể con người khỏe mạnh.

Bệnh là gì? Bệnh là những tế bào trong thân thể không ổn định khiến bệnh tật sanh ra. Vì sao chúng không được ổn định? Vì sao chúng bị loạn trật tự? Ất phải có nguyên nhân. Đức Phật đã nói nguyên nhân là ba độc phiền não khởi tác dụng, ba độc là tham - sân - si. Như vậy, tham - sân - si là virus bên trong chúng ta; bên trong đã có virus thì virus bên ngoài mới có thể cảm nhiễm được, trong ngoài giao cảm! Nếu bên trong không có tham - sân - si, không có virus, dầu virus bên ngoài tàn hại cũng chẳng thể cảm nhiễm quý vị được. Vì sao? Vì quý vị mạnh khỏe, không có điều kiện cảm nhiễm, các bác sĩ hiện thời cũng nói như thế, họ gọi đó là "sức khỏe tâm lý". Tâm lý khỏe mạnh, không có tham - sân - si thì mới là khỏe mạnh thực sự. Không đoạn tham - sân - si thì tâm chẳng khỏe mạnh. Tịnh Quang Phật hay lắm! Để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phương pháp tu hành này rất quan trọng, nó là pháp môn tu phước. Ở phần trên, chúng ta đã thấy trong phần tu huệ, "*vô lượng tinh tấn*", tức tinh tấn tu huệ. "*Tịnh Quang*" là tu phước. Lại xem tiếp đoạn phương Bắc, chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh".

舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Xá Lợi Phất! Thế giới phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: "Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này").*

Quý vị thấy đức Thế Tôn thuyết pháp hết sức có ý nghĩa; đến phương Bắc lại nói năm vị Phật, cho thấy việc nêu lên bảy vị Phật [ở phương Tây] là đặc thù. Trong mọi lúc thông thường thì đều là năm vị Phật. "*Phương Bắc kể*

đại lược năm vị Phật biểu thị sự hóa tha". Phần trên là thành tựu trí huệ và phước đức của chính mình; có trí huệ, có phước đức thì mới có thể giáo hóa chúng sanh. "*Phước huệ đầy đủ, lấy độ sanh làm sự nghiệp*". Trong thế gian này, chư Phật, Bồ Tát làm những việc gì? Người sống trong thế gian chẳng thể không làm chuyện gì, cả một đời này không có chuyện gì hết, vậy là hưởng phước rồi. Hưởng phước nhưng không tu phước thì phước báo ấy sẽ bị hưởng hết, hưởng hết rồi thì không còn phước nữa! Không có phước, nhưng trong A Lại Da Thức chắc chắn vẫn còn có nghiệp bất thiện. Những nghiệp bất thiện ấy sẽ đem lại khổ báo cho quý vị. Hưởng phước xong, hưởng thiện phước xong, nỗi khổ bất thiện sẽ hiện tiền. Bởi lẽ người sống trong thế gian chẳng thể không có việc này việc nọ, chẳng thể không làm này làm nọ.

Do vậy, chư Phật xuất hiện trong thế gian, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian phải có sự nghiệp. Sự nghiệp của chư Phật chẳng giống với những nghề nghiệp thông thường trong thế gian, mà là gì? Nghề nghiệp của Ngài là "*sư đạo*" (đạo làm thầy). Chư Phật Như Lai xuất hiện trong thế gian, nhất định phải xuất hiện dưới thân phận một vị thầy. Còn Bồ Tát không nhất định, Bồ Tát có thể xuất hiện làm các ngành nghề. Trong phẩm Phổ Môn, chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, mọi người đều biết. Trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy Phật, Bồ Tát thị hiện thành năm mươi ba vị thiện tri thức, nam, nữ, già, trẻ, làm các nghề nghiệp. Nếu mang thân Phật thì chắc chắn là thầy, chẳng thể theo đuổi các nghề nghiệp khác. Phật pháp là "*sư đạo*", mang thân phận ông thầy thì chắc chắn hằng ngày phải dạy học.

Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Từ năm ba mươi tuổi, Ngài biểu diễn tu hành chứng quả, chứng đắc quả Phật Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi thành Phật, bắt đầu giáo hóa chúng sanh, bắt đầu giảng kinh, thuyết pháp. Tám mươi tuổi viên tịch, giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Tám mươi tuổi viên tịch là vì người Hoa tính theo tuổi ta, nếu theo cách tính tuổi của người ngoại quốc thì Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch năm bảy mươi chín tuổi. Giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm; nay gọi giảng kinh, thuyết pháp là "*lên lớp*", tức là dạy học! Lên lớp dạy học suốt bốn mươi chín năm, không nghỉ ngày nào, không có ngày nào nghỉ xả hơi, không hề có! Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều dạy học, từ trước đến nay chưa từng gián đoạn; nay chúng ta gọi là "*cơ hội giáo dục*". Bất luận ở chỗ nào, bất luận gặp được ai, hoặc là đức Phật chủ động gọi ai đó đến mà giảng, hoặc người nào đó hướng về đức Phật nêu câu hỏi thỉnh giáo, đức Phật bèn vì người ấy giải đáp.

Đức Phật lên lớp không có phòng học cố định, thính chúng không cố định. Kinh nói "*một ngàn hai trăm năm mươi lăm người*", đó là Thường Tùy

Chúng. Đức Phật đi đến đâu, những học trò ấy theo Ngài đến đó. Bọn họ cũng buông hết thảy thế gian xuống, chuyên môn theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập. Vì thế, kinh thường liệt kê đại chúng. Liệt kê đại chúng cũng nhằm biểu thị pháp. Ở đây, lần này chúng tôi giới thiệu rất đơn giản, không giảng cặn kẽ như khi giảng kinh Di Đà, [đại chúng] biểu thị pháp. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, nói thật ra, đều là những học trò kiệt xuất, đều là những học sinh có sở trường, đức Phật dùng bọn họ để biểu thị pháp, hiển thị trong cuộc sống thường nhật, lúc lên lớp dạy học, từng chuyện nhỏ nhặt, vụn vặt đều chân thật chẳng dối, học vẫn chân thật, đức hạnh chân thật!

Phạm vi giảng dạy của đức Phật hết sức rộng lớn, không giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử chỉ dạy con người, chẳng dạy cho thiên địa quỷ thần, chỉ hy vọng con người làm người cho trọn vẹn là được rồi! Phạm vi dạy dỗ của đức Phật rất lớn, bao gồm cả những chiều không gian sai khác như khoa học ngày nay đã đề cập. Phạm vi hết sức rộng lớn; vì thế, đức Phật giảng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, kinh Đại Thừa thường nói như vậy. Kinh Hoa Nghiêm chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất, nói đến pháp giới trùng trùng vô tận, khoa học ngày nay đang nghiên cứu theo phương hướng này. Chúng tôi mong mỗi sẽ có những thành quả nghiên cứu, những thành quả ấy nhất định sẽ tương ứng với những điều được giảng trong kinh Hoa Nghiêm.

Sở dĩ đức Phật lấy độ sanh làm sự nghiệp; ngày nay chúng ta gọi "độ sanh" là "giáo dục xã hội". Đức Phật theo đuổi sự nghiệp giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, nay ta gọi là một nghề. Thế nhưng Phật dạy học không thu học phí, Ngài không có trường học cố định, hết thảy chúng sanh đều là đối tượng giáo hóa của Ngài, thực sự đáng gọi là "đại học". Nam, nữ, già, trẻ, đủ các ngành nghề. Trái ngược với họ, đức Phật trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Hiện thời học vị tối cao là "tiến sĩ", [tạm nói theo thuật ngữ hiện thời], đức Phật là vị tiến sĩ danh xưng với thực. Tiến sĩ thuộc các trường học trong thế gian không hiểu biết rộng rãi, họ chỉ nghiên cứu một bộ phận, vượt ra ngoài bộ phận ấy họ chẳng biết! Có thể nói là "cách hành như cách sơn"^{3[3]}. Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là quảng bác, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể.

Lược nêu tên năm vị Phật, vị thứ nhất là Diệm Kiên Phật. Kiên (肩) là cái vai, Diệm (燄) là ngọn lửa, ngọn lửa biểu thị trí huệ. Con người chúng ta có hai vai, dùng Diệm Kiên để biểu thị Quyền Trí và Thật Trí. Vì thế, "sau khi

3[3] "Cách hành như cách sơn" là một thành ngữ, hàm ý: Không phải là người chuyên môn trong một nghề nghiệp sẽ cảm thấy xa lạ đối với nghề nghiệp ấy giống như thuộc vào một thế giới khác, hoặc bị ngăn cách, che lấp bởi một rặng núi to, không thể thấy được những chuyện trong lãnh vực ấy.

phước huệ trọn đủ, liền dùng hai trí Quyền và Thật để gánh vác gia nghiệp của Như Lai, lợi ích chúng sanh". Như Lai là Phật quả rốt ráo, thành Phật rồi thì bốn phận sự nghiệp của Ngài được gọi là "*gia nghiệp*". Sự nghiệp bốn phận của Ngài là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, nền giáo dục ấy bao gồm những điều như hiện nay gọi là "giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội", thảy đều bao gồm trong ấy. Đúng là đại học vấn.

Ngài làm như thế nào để giúp đỡ giáo dục gia đình? Học trò tại gia rất nhiều, xuất gia ít. Đối với học trò tại gia, đức Phật dạy họ sống ở nhà thì phải học tập luân lý, đạo đức như thế nào, đối xử hòa thuận với người trong nhà ra sao, trọn hết bốn phận của chính mình. Cha mẹ thương yêu, trong ngũ luân thập nghĩa^{4[4]} đã nói: "*Phụ tử hữu thân, phu thê hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, quân thần hữu nghĩa, bằng hữu hữu tín*" (Cha con thương yêu, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, vua tôi có nghĩa, bạn bè giữ chữ tín). Đây chính là giáo dục gia đình. Giáo dục trong nhà trường nhằm dạy quý vị học làm vị thầy tốt như thế nào, học làm đấng học trò ngoan như thế nào. Chẳng phải kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung đã giảng rất rõ ràng ư? Đức Phật thường nói như thế. Giáo dục xã hội không cần phải nói nữa! Bất luận đến nơi đâu, bất luận gặp ai, chẳng phân quốc gia nào, chẳng phân chủng tộc nào, chẳng phân tôn giáo nào, chẳng phân văn hóa nào, chỉ cần quý vị đến học, đức Phật đều vui vẻ dạy dỗ. Lợi ích hết thảy chúng sanh bằng hai trí Quyền và Thật. A! Bây giờ đã đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần phương Bắc lược nêu năm đức Phật. Vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật, biểu thị sự gánh vác gia nghiệp của Như Lai, tức sứ mạng hoằng pháp lợi sanh. Công tác ấy được thực hiện như thế nào? Phần ý nghĩa biểu pháp của bốn vị Phật tiếp theo đó nhằm chỉ dạy chúng ta [cách thực hiện].

Tối Thắng Âm Phật, "*biểu thị dùng âm thanh làm Phật sự, diễn nói kinh này, khuyên dạy niệm Phật, chính là âm thanh tối thắng*". Nói như vậy là thuận dựa theo pháp môn Tịnh Độ để nói. Nếu giảng theo nghĩa rộng thì "*thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*" (chân giáo thể phương này, thanh tịnh tại nghe tiếng); đây chính là như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, suốt bốn mươi chín năm ngày ngày thuyết pháp dạy học. Những âm thanh do đức Phật thốt ra đều là Tối Thắng Âm, âm thanh ấy tối thắng vì giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Quý vị

4[4] Ngũ Luân là năm mối quan hệ chính yếu trong xã hội, tức cha con, vua tôi, anh em, vợ chồng, bè bạn. Do trong năm mối quan hệ này, mỗi mối quan hệ đều có quan hệ song phương nên mỗi mối quan hệ đều bao gồm hai ý nghĩa, vì thế mới nói là ngũ luân thập nghĩa. Câu nói trên đây trích từ thiên Đăng Văn Công trong sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

phải nhớ kỹ, khuyên dạy một chúng sanh đoạn ác tu thiện, chẳng đọa tam đồ, đời sau vẫn có thể tiếp tục hưởng phước báo trời người thì âm thanh ấy là âm thanh thù thắng, rất thù thắng. Không như trong xã hội hiện thời, quý vị nghĩ xem: Trong xã hội hiện thời, mắt thấy tai nghe những âm thanh gì vậy? Âm thanh tam đồ! Đúng là chỉ sợ quý vị chẳng đọa tam đồ!

Âm thanh thuyết pháp của đức Phật là âm thanh thanh tịnh. Âm thanh thù thắng khuyên con người đoạn ác tu thiện, khuyên con người chớ đọa tam đồ. Âm thanh ấy tối thắng, âm thanh tối thắng là âm thanh giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, đó chính là âm thanh tối thắng! Đem Tịnh Tông so với Đại Thừa thì âm thanh của Tịnh Tông là thù thắng nhất; Đại Thừa chẳng thể sánh bằng! Vì sao? Phá mê khai ngộ, quý vị chẳng thấy trong một đời mà có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, thành Tổ! Chuyện ấy các pháp khác không làm được, nhưng Tịnh Tông có thể làm được. Tịnh Tông dạy quý vị niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Vì thế, nó thù thắng khôn sánh. Đặc biệt là "*diễn nói kinh này*", kinh này thông với kinh Vô Lượng Thọ, chẳng những thông với kinh Vô Lượng Thọ mà còn thông với kinh Hoa Nghiêm. Cổ đức nói kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà là cùng một bộ kinh, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản, còn kinh A Di Đà là Tiểu Bản, không sai chút nào!

Kinh A Di Đà Tiểu Bản này là lược thuyết, tức là giới thiệu đại lược. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất tường tận, giới thiệu mọi phương diện của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Hoa Nghiêm giảng rộng, giảng cụ thể nhất, thuyết minh tường tận nhất. Vì thế, ba bộ kinh này chỉ là một bộ. "*Diễn nói kinh này*", nói theo nghĩa rộng, chính là diễn nói kinh điển vãng sanh Tịnh Độ, "*khuyên người niệm Phật là âm thanh thù thắng nhất*". Đó chính là hoằng pháp lợi sanh, thực sự gánh vác gia nghiệp của Như Lai, đảm đương sự nghiệp chẳng thể nghĩ bàn.

Vị Phật tiếp theo là Nan Trử Phật, "*biểu thị hoằng hộ chánh pháp, dũng mãnh tinh tấn, chẳng sợ tà ma, ngoại đạo và hết thảy chướng nạn*". Trử (沮) là phá hoại, Nan Trử là rất khó phá hoại. "*Hoằng hộ*": Hoằng pháp và hộ pháp là một Thể, hoằng pháp và hộ pháp công đức như nhau; thậm chí công đức hộ pháp còn cao hơn hoằng pháp. Người hoằng pháp, có thể nói là chẳng dễ dàng, rất khó có; thế nhưng hộ pháp càng khó hơn! Nếu không có người hộ pháp mạnh mẽ, người hoằng pháp dù giỏi nhưng không có ai hộ trì, sẽ không có cơ hội hoằng dương Phật pháp. Nói cách khác, dù thầy thực sự giỏi, có học vấn, có đức hạnh, lại có phương pháp giảng dạy rất tốt, nhưng không ai dùng đến, không có trường nào mời, đúng là "không đất dụng võ". Trường học chính là hộ pháp của ông thầy.

Nếu nay quý vị học thành tựu rồi, quý vị đúng là một nhân tài hoằng pháp tốt, nhưng không đạo tràng nào mời quý vị. Chủ nhân của đạo tràng, trụ trì, đương gia, chấp sự đều là nhân tài hộ pháp, bọn họ phải hộ trì quý vị, mời quý vị trụ trong đạo tràng ấy giảng kinh, thuyết pháp, mọi việc đều chiếu cố rất châu đáo, chẳng để quý vị không phải lo lắng chút gì, cứ chuyên làm công việc giảng kinh, thuyết pháp, hết thầy sự vụ thuộc phương diện thường trụ bọn họ đều chia nhau gánh vác. Hoằng pháp và hộ pháp phải phối hợp mật thiết thì Phật pháp mới hưng vượng. Nếu không có hộ pháp, quý vị giảng kinh, thuyết pháp ở đó, người ta không thích thú gì. Vì sao không thích thú? Anh giảng được, tôi không thể giảng. Tín đồ thường đến nghe anh, tôn kính anh, không tôn kính tôi, [do vậy] thường hay ghen ghét chướng ngại [người hoằng pháp]. Người ta chướng ngại mình, trọn chẳng cho mình có cơ hội giảng kinh hoằng pháp, hỏng rồi! Đó là gì vậy? Kề ấy thiếu trí huệ, chẳng hiểu đạo lý này, cũng chẳng hiểu nhân quả.

Người làm hiệu trưởng không cần phải giảng kinh, thuyết pháp, không cần phải lên lớp dạy học như giáo viên, không cần thiết! Học trò nghe vị thầy giỏi giảng, học thành công thì công đức bậc nhất quy về ai? Hiệu trưởng! Hiệu trưởng vì chúng ta mời vị thầy giỏi như thế, thầy do chính hiệu trưởng mời về, quyền mời thầy nằm trong tay hiệu trưởng. Bởi thế, chăm sóc trường cho tốt đẹp thì học trò thành tựu nhiều, công lao không do giáo viên, mà do hiệu trưởng. Hiệu trưởng có huệ nhãn nhận biết ông thầy tốt, có năng lực mời mọc giáo sư tốt. Bởi thế, công đức hộ pháp cao hơn hoằng pháp, hoằng pháp là giáo viên, hộ pháp là hiệu trưởng. Hiệu trưởng có quyền lực mời mọc, cũng có quyền lực bãi chức: "Tôi không cần đến anh nữa!" Ông ta có quyền lực ấy. Người hoằng pháp chỉ nghe theo lệnh: "Ông mời tôi, tôi nỗ lực dạy dỗ; ông không cần tôi nữa, tôi đành ra đi thôi!"

Nhất định phải hiểu đạo lý ấy, thành tựu của đạo tràng là có được nhân tài. Đạo tràng không xuất hiện nhân tài tức là thất bại hoàn toàn. Sanh ra những nhân tài như thế nào? Có sanh ra được nhân tài hay không? Mấu chốt nằm ở người trụ trì, hay vị thường trụ, hoặc vị chấp sự chủ chốt. Vị chấp sự chủ chốt là những người có quyền lực trong đạo tràng ấy như Trụ Trì, Đương Gia, Thủ Tòa, Duy Na. Đấy đều là những người có quyền lực nhất trong đạo tràng ấy; [thành tựu của đạo tràng] chính là thành tựu của họ. Do vậy đạo tràng hưng hay suy, trách nhiệm đặt trên thân mấy người đó. Nhân tài hoằng pháp không chịu trách nhiệm, họ không có quyền, không làm chủ, họ phải nghe theo lời sai phái, nghe lệnh chỉ huy. Bởi vậy, người hoằng pháp là giáo viên, hộ pháp là người thực sự có quyền lực.

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, đối với người xuất gia, đức Phật yêu cầu mọi sự đều là công tác hoằng pháp, giao phó công tác hộ pháp cho quốc vương, đại thần, thỉnh những người ấy đến hộ trì. Bọn họ lập đạo

tràng, lễ thỉnh pháp sư đến giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị giảng hay, pháp duyên thù thắng thì tiếp tục lễ thỉnh hàng năm. Vì thế, pháp sư nhất định phải tu dưỡng đạo đức, học vấn, và ngôn hạnh của chính mình hầu nêu gương tốt nhất cho đại chúng trong xã hội. Vì sao? Nếu pháp sư không tu tập tốt đẹp, năm sau người ta không thỉnh nữa. Thậm chí giảng xong một bộ kinh này, bộ kinh tiếp theo người ta không mời giảng nữa. Chẳng nghiêm túc, chẳng khéo học không được! Bởi vậy, giáo viên và chức viên (người có chức vụ trong trường) có quan hệ mật thiết, hoằng hộ chánh pháp như thế mới không bị phá hoại. Nhất là hộ pháp, trọng yếu lắm! Hộ pháp phải chánh trực, phải có huệ nhãn.

Đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, con người không phải là thánh hiền, có ai không phạm lầm lỗi! Pháp sư giảng kinh chẳng phải là thánh nhân, còn là phàm phu, chắc chắn có lầm lỗi! Người ngoài nắm lấy những lỗi lầm ấy để công kích, đồn đãi, sanh sự, hủy báng, tạo đủ mọi áp lực với người hộ pháp. Nếu người hộ pháp không có trí huệ, không có nghị lực, nghe những kẻ đó bàn ra tán vào sẽ hiểu lầm pháp sư giảng kinh, khai trừ vị pháp sư giảng kinh ấy. Chuyện như vậy từ xưa đến nay rất nhiều, không phải là ít; vì thế, hoằng pháp và hộ pháp đều không phải là chuyện dễ. Thế nhưng hiện thời lại có một con đường, con đường gì vậy? Tức là mạng Internet và truyền thông vệ tinh. Tuy vậy, vẫn phải có người hộ pháp có sức lực lui tới chủ trì chánh nghĩa, mời mọc các đại đức, pháp sư, trưởng giả, cư sĩ vì hết thầy chúng sanh giảng kinh thuyết pháp.

Đạo tràng không cần phải lớn lắm, có một studio nhỏ là được rồi. Mỗi ngày ở đó dùng máy chiếu phim, nhờ khoa học kỹ thuật để phát hình ảnh và âm thanh đi khắp thế giới, chúng sanh có duyên sẽ thích thú nghe, bất luận ở chỗ nào cũng đều có thể thu được. Khoa học kỹ thuật thông tin đại chúng ngày càng tiến bộ, tôi thường bảo các đồng học, đại khái năm năm sau là chuyện rất có khả năng, năm năm sau nhất định các băng thông (digital bandwidth) rộng gấp mấy lần hiện thời, rất có thể mạng Internet sẽ thay thế truyền hình. Giá thành của truyền hình vệ tinh mắc, giá thành của mạng Internet rất thấp, lại rất thuận tiện. Trong tương lai những máy móc thu phát rất có thể sẽ giống như điện thoại di động (cell phone) hiện thời, màn huỳnh quang nơi điện thoại cầm tay được nối rộng hơn một chút; bất luận khi nào, dù đang du hành cũng nhìn thấy được, đều có thể nghe được.

Trước kia, chúng tôi nói [truyền hình] vệ tinh là đem giảng đường giảng kinh thuyết pháp đến tận nhà quý vị, quý vị ở nhà mở máy truyền hình (TV) lên là thấy. Nay tiến bộ hơn, chẳng những đưa đến tận nhà mà còn đưa đến tận tay, quý vị nói có phải là tiện lợi quá hay chẳng? Trước kia đâu có như thế, trước kia không có ai tưởng tượng việc này, nay dần dần thực sự thực hiện được, giá thành không cao, hiệu quả rất lớn. Bởi thế, người phát tâm

hoảng pháp phải tích cực, phải nỗ lực, phải học tập cách đối diện trước máy quay phim để giảng kinh thuyết pháp trong studio, khiến cho Phật pháp được phục hưng theo phương hướng ấy. Lòng tôi mong mỗi mỗi vị pháp sư giảng kinh đều có một trạm phát hình, tương lai chúng ta có thể phát đi suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ trên mạng Internet. Mỗi một cá nhân chuyên đồ công sức nơi một, hai bộ kinh, không cần quá nhiều, thỉnh chúng có thể chọn lựa. Họ thích học bộ kinh nào cũng như thích nghe quý vị giảng diễn, họ sẽ hằng ngày nghe, tiếp nhận sự giáo huấn của quý vị. Nan Trở Phật là như vậy đấy!

Hoảng hộ lại sợ bị ma tà, ngoại đạo chướng nạn, từ xưa đến nay, trong nước, ngoài nước đều không tránh khỏi chuyện này, suốt cả đời bản thân chúng tôi phải gặp không ít lần! Đụng chuyện, chúng tôi không tranh, mau chóng thoái nhượng. Mau chóng thoái nhượng như vậy khiến cho chướng nạn giảm ít. Nói chung, phải nhớ kỹ, phải thường suy tưởng: “Chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không đối lập với bất cứ một chúng sanh nào”, phải nhớ thật kỹ điểm này. Sở dĩ Phật, Bồ Tát được gọi là Nhân Giả, tức là người nhân từ, bậc nhân từ không đối địch ai. Thế nào là Nhân Giả? Không có địch nhân. Đấy là nhân từ thực sự. Nếu có kẻ đối lập, có oan gia đối đầu thì chẳng phải là người nhân từ. Người nhân từ vĩnh viễn không có oan gia đối đầu, lúc oan gia đối đầu đến tìm, ta phải nhường nhịn họ, tuyệt đối không đối lập với họ, quyết định không nóng giận, quyết định không báo thù. Người như vậy chính là Bồ Tát, là người giác ngộ.

Người không giác ngộ mới có tâm sân khuể, mới có ý niệm báo thù. Người giác ngộ quyết định không có! Vì thế, lúc cảnh giới hiện tiền, sẽ thấy quý vị là giác ngộ hay vẫn còn mê hoặc. Trong cuộc sống thường ngày, trong những sự việc nhỏ nhặt mình gặp phải, phải rèn luyện từ những chuyện nhỏ nhặt. Rèn luyện như thế nào? Đối với nghịch cảnh, chuyện chẳng vừa lòng, chuyện không như ý, không có tâm nóng giận, không mang tâm oán hận, không tâm báo thù, phải rèn luyện công phu ấy. Khi nghịch cảnh lớn lao hiện tiền, tâm địa quý vị tự nhiên rất坦然 nhiên, dùng trí huệ để xử trí, chẳng làm việc theo cảm tình thì quý vị mới không bị hết thảy ma chướng gây chướng nạn.

Vị Phật thứ tư, Nhật Sanh Phật. Nhật là mặt trời, biểu thị trí huệ. Bởi thế, “*Nhật Sanh Phật biểu thị tướng giáo học tăng trưởng, huệ nhật tự - tha sáng rực giữa trời, chánh pháp tồn tại lâu dài, phước lợi trời - người*”. Vì vậy, giảng kinh, dạy học lòng phải rộng rang! Học tập nhất định phải hiểu phương pháp, người trên dạy dỗ chúng ta như thế nào, ta học thành như vậy rồi, ta phải biết dạy người khác như thế nào? Đời đời truyền cho nhau. Trước kia, thầy Lý dạy chúng tôi, thường thường khuyến khích chúng tôi: Từ cổ đến nay, những người sơ học phát tâm giảng kinh rất nhiều, đến cuối

cùng, thành tựu e rằng chỉ được một, hai hay hai ba người mà thôi. Vì nguyên nhân gì? Thoái chuyển, thoái tâm! Gặp phải khó khăn chẳng thể đột phá. Nguyên nhân phổ biến nhất khiến ta gặp phải khó khăn là gì? Tâm háo thắng quá mạnh, tâm mong giỏi giang quá mạnh, đây là nguyên nhân gây thất bại bậc nhất trong việc học kinh giáo. Mười người thất bại, đại khái là chín người vì nguyên nhân này, tâm mong giỏi giang quá mạnh, hy vọng giỏi hơn người khác.

Vì thế, thầy Lý dạy chúng tôi: Từ cổ đến nay, người thành công phải ngồi yên đứng vững, giữ lấy câu giáo huấn lời vàng lẽ ngọc của cổ nhân: "*Đản cầu vô quá, bất cầu hữu công*" (Chỉ cầu không có lỗi, chẳng cầu có công). Quý vị giữ được hai câu ấy thì rất có thể thành công. Bởi lẽ, chỉ mong lên tòa giảng, giảng không sai lầm, không cầu giảng hay, không cầu giảng có hiệu quả, thường xuyên phản tỉnh, thường sửa lỗi. Muốn giảng giỏi thì nói chung phải mười năm, hai mươi năm, trong một thời gian dài như vậy ngày ngày sửa lỗi, ngày ngày phản tỉnh, tích lũy công đức mười năm, hai mươi năm, đương nhiên sẽ giảng rất hay. Đây chẳng phải là chuyện trong một thời gian ngắn, chỉ mấy tháng là đã giảng giỏi, hoặc một, hai năm bèn giảng giỏi, không có chuyện ấy đâu! Những bậc tổ sư đại đức xưa nay, thông Tông thông Giáo, không vị nào chẳng huân tu lâu dài mà thành công!

Dẫu là thiên tài, nghĩa là "*nghe một, ngộ cả ngàn*" như Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông, hai mươi bốn tuổi khai ngộ, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho, vẫn phải như thế nào? Tuổi còn trẻ quá, phải đến ẩn cư trong đám thợ săn mười lăm năm, gần như là đến bốn mươi tuổi mới lộ diện. Hai mươi bốn tuổi được truyền y bát, ẩn cư trong đám thợ săn mười lăm năm, quý vị cứ nghĩ đi, bốn mươi tuổi mới xuất hiện, mà Ngài là bậc thiên tài đó nghe! Cũng chẳng thể cứ hể làm được là ra mặt liền, sẽ làm không được đâu! Vì thế, tâm kiên nghị, nhẫn nại là bí quyết thành công, thành tựu càng lớn thì càng phải có tâm nhẫn nại. Người không có tánh nhẫn nại, đừng nói pháp xuất thế gian, ngay cả pháp thế gian cũng chẳng thể thành tựu. Vì thế, kinh Kim Cang nói rất hay, "*nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn*" (hết thảy pháp được thành do Nhẫn), quý vị có thể nhẫn nại! Tuân thủ quy củ của thầy, thầy dạy quý vị như thế nào thì cứ thật thà làm theo.

Tôi ở Đài Trung thân cận thầy Lý, tôi học bất cứ gì so với đồng học quả thật đều nhanh hơn, tôi có sức hiểu biết, tôi có năng lực ghi nhớ, nhưng thầy Lý vẫn hạn chế tôi: Bốn mươi tuổi trở đi mới được ra ngoài giảng kinh. Trước khi bốn mươi tuổi phải luyện tập giảng ở nhà, không cần ra ngoài. Bên ngoài có người mời cũng không đi, tôi tuân thủ quy củ ấy mười năm. Nếu tôi giống những người khác tâm mong giỏi giang quá mạnh, chẳng tuân thủ quy củ của thầy Lý, rất có thể tôi đã sớm bị đào thải rồi. Về thành tựu thế gian hay xuất thế gian thường có câu nói rất hay: "*Người chất phác,*

người tuân thủ quy củ, những người như vậy được thành tựu". Không thật thà, không tuân thủ quy củ, ngày ngày cứ nghĩ chuyện huê dạng, thọ mạng sẽ không lâu! Chẳng những bị người khác ghen ghét, còn bị quỷ thần ghen ghét; nói cách khác, thần hộ pháp ít, còn những ác quỷ, la-sát rất nhiều. Họ đều tìm đến gây phiền phức, chướng ngại rất nhiều, đều ở quanh bên cạnh, làm sao có thể làm cho tốt được cơ chứ?

Bởi thế, con người chớ nên có tâm ghen ghét, phải thường mong người khác giỏi hơn mình. Người khác giỏi hơn mình thì mình có phước. Giảng kinh, thuyết pháp, hoằng hộ chánh pháp đều là tu phước, ai sẽ hưởng phước? Đại chúng thanh tịnh hưởng phước, mỗi ngày nghe kinh niệm Phật là hưởng phước đấy! Tôi rất thích mỗi ngày được nghe kinh, niệm Phật, chuyện gì cũng không cần hỏi đến, quý vị nói xem: Có phải là cuộc sống rất tốt đẹp hay chẳng? Thế nhưng tôi không có phước báo ấy, không ai giảng cho tôi nghe. Nếu hiện thời có một người có thể giảng kinh cho tôi nghe mỗi ngày, tôi sẽ hằng ngày cúi lạy người đó, hằng ngày cảm tạ, thật đó, không giả đâu! Tôi phải cảm tạ người ấy cúng dường pháp, cảm tạ tài cúng dường của những vị đại đức hộ pháp, lấy thành quả tu hành của chính mình để báo đáp.

Vị Phật cuối cùng là Võng Minh Phật, "*biểu thị phương pháp hoằng nguyện độ sanh, dùng vô lượng pháp môn (như những mắt lưới) cứu độ chúng sanh*". Hoằng dương và hộ trì chánh pháp phải có hoằng nguyện như thế, phải có tâm lượng như thế, phải có trách nhiệm như thế thì Phật pháp mới hưng thịnh. Một đạo tràng giảng kinh thuyết pháp không phải chỉ có một vị pháp sư, nay chúng ta lập mười phòng học, chúng tôi hy vọng có mười vị pháp sư, chúng tôi hy vọng có mười môn, hai mươi môn học; nhưng học sinh chẳng thể cái gì cũng học hết được, không thể được! Học sinh tối đa chỉ học hai môn. Trước kia, ở Đài Trung, thầy Lý dạy chúng tôi như thế; tối đa chỉ có thể học đồng thời hai môn, nhất định chẳng được học ba môn! Thầy nói học ba môn chẳng thể thành tựu. Tốt nhất là như thế nào? Tốt nhất là học một môn sẽ mau có thành tựu. Theo một vị thầy học một bộ kinh, học cho kỹ bộ kinh ấy, tốt nghiệp xong, quý vị mới có thể học bộ thứ hai.

Thế nào là tốt nghiệp? Nhất định phải được vị thầy gật đầu: "Người học được rồi". Ngay chính bản thân tôi, trước kia ở Đài Trung, dẫu thầy Lý không hạn chế, nhưng chính chúng tôi tự hạn chế mình, học xong một bộ kinh, nhất định phải giảng mười lần, lên đài giảng! Thầy Lý dạy chúng tôi chỉ giảng một lượt, lần thứ hai là học sinh giảng cho thầy nghe, thầy giúp chúng tôi sửa cho đúng. Từ đó về sau, lần thứ ba, lần thứ tư, cho đến lần thứ mười, đều là thầy ngồi ở dưới nghe, học sinh giảng trên tòa. Giảng xong mười lần, thầy gật đầu: "Được rồi!", thì mới coi là tốt nghiệp môn học ấy.

Phương pháp dạy học chúng tôi dùng hiện nay tuân theo phương pháp ấy. Thầy hằng ngày nghe giảng, hằng ngày giúp trò sửa cho đúng, ngày ngày giúp quý vị giải quyết vấn đề, giúp quý vị nâng cao cảnh giới.

Một bộ kinh học mười biến xong, lại xem xét đức hạnh, định lực của quý vị. Quý vị có định lực sẽ chẳng bị danh văn lợi dưỡng bên ngoài lay động thì mới có thể ra giảng kinh được. Nếu ra giảng kinh, vừa tiếp xúc danh văn, lợi dưỡng bên khởi tham - sân - si - mạn, ngay lập tức bị đọa lạc là xong. Trong tình huống ấy, chắc chắn không được đi. Đạo tràng có thể bảo vệ quý vị, quý vị ra ngoài không có ai bảo vệ, không chống chọi nổi dụ hoặc sẽ bị đọa lạc. Đọa lạc rồi quay đầu rất khó.

Võng Minh Phật là trong đạo tràng có nhiều nhân tài hoằng pháp, nhiều khoa mục. Vì thế, Phật giáo giống như một trường đại học, mỗi một vị thủ tòa hòa thượng là thầy giáo, mỗi thầy giáo đều có sở trường chuyên môn, thâm nhập một môn. Quý vị muốn học một bộ kinh luận nào, cứ theo học với vị đó, vị thầy ấy nhất định rất nghiêm túc dạy quý vị, thành tựu cho quý vị. Thầy trò hợp đạo, người dạy, kẻ học cùng tăng trưởng. Làm công tác hoằng pháp rồi nghỉ hưu thì làm công tác hộ pháp, cũng có nghĩa là đảm nhiệm chấp sự thường trụ, vì đại chúng phục vụ. Lúc tôi mới học Phật, tôi có ý nghĩ như sau: Trước năm bốn mươi tuổi học tập, hoằng pháp cũng thuộc về học tập. Từ năm bốn mươi đến sáu mươi tuổi, suốt cả hai mươi năm phải làm thường trụ phục vụ, đảm nhiệm công tác. Sau sáu mươi tuổi bèn nghỉ hưu, từ khước mọi công tác thường trụ, từ khước để làm gì? Chuyên môn giảng kinh dạy học, không phải bận tâm lo công việc.

Đối với hoằng pháp lẫn hộ pháp, tự mình đều có kinh nghiệm khá phong phú, biết phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp như thế nào, biết chăm sóc nhân tài hoằng pháp ra sao, bồi dưỡng nhân tài hộ pháp, có kinh nghiệm thực tế. Nếu trong đạo tràng người hoằng pháp càng nhiều, chúng tôi cũng càng mở nhiều pháp môn. Phương châm của chúng tôi là "*nhất định phải tuân thủ cách thức thâm nhập một môn, trường thời huân tu*" của cổ đức. Mỗi vị thầy chuyên dốc công sức nơi một môn, thời gian tối thiểu phải là mười năm. Mười năm chuyên dốc công phu nơi một môn thì sẽ thành tựu, chẳng thể học quá nhiều, quá tạp. Thông một môn, hết thầy đều thông; dẫu thông hết thầy môn, vẫn cứ chuyên hoằng một môn, vì sao? Nêu gương cho hậu học. Con người hiện thời không biết lợi ích của việc chuyên tu, nên nhất định phải làm gương cho họ thấy, khiến cho họ hiểu rõ, khiến họ hoan hỷ, họ sẽ có thể thành tựu. Lại xem tiếp phần Hạ phương, chúng tôi cũng đọc đoạn kinh văn nói về Hạ phương một lượt:

Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật.

Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh".

舍利弗。下方世界有師子佛。名聞佛。名光佛。達磨佛。法幢佛。持法佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: "Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này").

Đến đây là một đoạn. Phương dưới có tên sáu vị Phật, không giống như phần trên, trong đoạn trên là năm vị Phật, ở đây sáu vị. Đương nhiên những con số đều có ý nghĩa, chắc chắn không phải là ngẫu nhiên, chắc chắn không nêu tùy tiện. Con số ấy "biểu thị đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh"; đây là nói về pháp Đại Thừa! Dùng sáu vị Phật để biểu thị pháp, tượng trưng cho sáu Ba La Mật của Đại Thừa. Phương Bắc biểu thị sự hóa tha, khởi đầu! Giống như vị pháp sư học kinh giáo, đại khái là từ mười năm đến hai mươi năm đầu, đều thuộc vào giai đoạn này. Sau hai mươi năm dạy dỗ, giảng kinh giáo, có thể nói là lúc ấy đã mở mang trí huệ, dần dần cũng có thể kế nhập tam-muội. Người ấy có định lực, có trí huệ, có kinh nghiệm, có thể mở rộng sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, "đại hạnh giáo hóa phổ độ chúng sanh", người ấy đã có thể ứng phó được.

Trong những đức hiệu của chư Phật, vị thứ nhất là Sư Tử Phật. Sư Tử là tỷ dụ, "sánh ví sự thuyết pháp của Phật, biểu thị pháp vương tử thay Phật hoằng pháp, giống như Phật, chẳng hai". Bởi lẽ, người hoằng pháp ở đây không phải là sơ học, mà là pháp sư hoằng pháp thành thực, trong nhà Phật gọi là bậc Thượng Tọa. Hoằng pháp trọn mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, trọn ba mươi năm là Thượng Tọa. Theo như tập tục của chúng ta, tức tập tục trong nhà Phật mà nói, thì địa vị ấy (được biểu thị bằng sáu vị Phật ở phương Hạ) là Thượng Tọa. Thượng Tọa là người thực hiện sự nghiệp giảng kinh hoằng pháp ba mươi năm, phải nhớ như vậy. Suốt ba mươi năm phải hằng ngày dạy dỗ thì mới xứng [danh xưng Thượng Tọa]!

Cả năm chỉ giảng một hai tuần hoặc một tháng thì không tính, vì không phải là giáo viên. Có trường học nào mà thầy chỉ lên lớp một tháng mỗi

năm hay chẳng? Dạy một hai tuần thôi ư? Không có trường nào như thế cả! Giáo viên của những trường chánh quy phải dạy học hằng ngày, giáo sư đại học mỗi tuần tối thiểu phải lên lớp một lần hai tiếng hoặc ba tiếng, mỗi một tuần như thế chẳng thể gián đoạn, trường học như thế đó! Trong Phật pháp không như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật làm gương cho chúng ta. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh mỗi ngày, suốt bốn mươi chín năm không gián đoạn. Ngày ngày giảng, mỗi năm giảng không gián đoạn, đủ ba mươi năm mới thực sự là Thượng Tọa. Tuyệt đối chẳng thể một ngày nóng, mười ngày lạnh mà tính là Thượng Tọa đâu nhé!

Năm vị Phật ở phương Bắc tượng trưng cho ba mươi năm đầu, sáu vị Phật ở phương dưới tượng trưng cho ba mươi năm sau. "*Đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh*". Đức hạnh, trí huệ, học vấn, kinh nghiệm, kỹ xảo giáo hóa chúng sanh của quý vị đều thành thực; lúc đó có thể nói là "*pháp duyên thù thắng, hiện sư tử hống*". Sư tử hống tượng trưng cho đức Phật thuyết pháp. Pháp vương tử thay Phật thuyết pháp, nên ta nói là "*giống như Phật, chẳng hai*". Quý vị không giảng lầm kinh giáo, bất luận quý vị nói cạn hay sâu, nói dài, nói ngắn, nhất định khế cơ, khế lý. Trên là khế hợp lý được chứng bởi chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của chúng sanh đáng được độ. Đó là bản lãnh của Phật, quý vị cũng phải học theo. Quý vị hãy suy nghĩ: Tự hành, hóa tha, năm dài tháng chầy thành thực, chẳng phải là háo cường háo thắng trong một thời gian ngắn mà hòng thành tựu! Không có đạo lý ấy đâu nhé! Bởi thế, đối với một điểm này, quý vị nhất định phải cảm kích người hộ pháp.

Sở dĩ tôi cảm kích Hàn Quán Trưởng là vì bà ta giúp tôi suốt cả ba mươi năm. Ba mươi năm giúp cho tôi có cơ hội hằng ngày lên đài giảng. Mỗi ngày đều có cơ hội lên đài giảng, đó mới chính là chân chánh hộ pháp. Do đó, chúng tôi cảm kích, chúng tôi được thành tựu như thế này. Nếu không có ba mươi năm ngày ngày giảng kinh, để hòng thành tựu ư? Ba mươi năm, đúng là như người ta thường nói "bà ta giúp tôi lên bậc Thượng Tọa rồi bèn tịch". Chúng tôi vĩnh viễn ghi nhớ, vĩnh viễn ôm lòng báo ân, dùng cách nào để báo ân? Dùng thành tích của chính mình để báo đáp; ngoài cách ấy ra, không có cách gì báo đáp được. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 32

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần phương dưới, vị Phật thứ hai trong sáu vị Phật ở phương dưới.

Danh Văn Phật.

名聞佛。

"*Danh xưng (tức danh hiệu của Ngài) vang khắp mười phương, biểu thị Ngài là con mắt của trời người, giống như Quán Âm, Phổ Hiền, các vị tổ sư trong nhà Phật*". Phương dưới nêu tên sáu vị Phật nhằm biểu thị nền giáo dục của đức Phật thịnh hành trong thế gian, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, cầu sanh về Tịnh Độ. Vì sao phá mê khai ngộ phải cầu sanh về Tịnh Độ? Có đạo lý đấy! Có thực sự giác ngộ thì mới cầu sanh về Tịnh Độ. Nói cách khác, bất luận quý vị tu học pháp môn nào, dầu công phu giỏi đến mấy, đắc tam-muội, minh tâm kiến tánh, nhưng nếu không cầu sanh về Tịnh Độ, quý vị chẳng thực sự triệt ngộ. Người thực sự triệt để giác ngộ, không ai chẳng cầu sanh về Tịnh Độ!

Quý vị thấy bậc Địa Thượng Bồ Tát (hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên) trong kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối không rời niệm Phật, thực sự giác ngộ, triệt để giác ngộ. Đầu - cuối: Đầu là bậc Sơ Địa, cuối là Đẳng Giác, tổng cộng mười một địa vị. Trong mười một địa vị ấy, không vị nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không vị nào chẳng cầu sanh về Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền nêu gương! Hai vị thượng thủ trong hội Hoa Nghiêm bày đầu, phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ! Do đây biết rằng: Chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ, không ai chẳng phát tâm cầu sanh về Tịnh Độ!

Danh Văn Phật đương nhiên không ngoại lệ. Ở đây, danh hiệu Phật này tượng trưng cho con mắt của trời - người. Thiên - nhân tượng trưng cho ba đường lành trong lục đạo, có huệ nhãn, có khả năng phân biệt đúng - sai, tà - chánh, lợi - hại. Trong các pháp thế gian và xuất thế gian, niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, thù thắng không gì sánh bằng, sao không tuyển chọn pháp môn này? Quán Âm Bồ Tát là vị thượng thủ Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát là vị thượng thủ Bồ Tát trong pháp hội của Tỳ Lô Giá Na Phật nơi thế giới Hoa Tạng, các tổ sư đại đức trong nhà Phật phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ rất nhiều. Danh hiệu mấy vị Phật [trong phương dưới] này đều là [biểu thị] Phật pháp thịnh hành trong thế gian, hiển thị tình trạng hưng vượng. Vị Phật thứ ba là:

Danh Quang Phật.

名光佛。

"*Biểu thị đại trí tùy duyên, pháp âm xa nghe, có thể khiến cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*". Trong đức hiệu của Phật có một chữ Danh nhằm bao hàm mật nghĩa! Mật nghĩa ấy chính là dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, quyết định vãng

sanh. Quang biểu thị trí huệ. Vì thế, danh hiệu này biểu thị trí huệ viên mãn, hằng thuận chúng sanh, ứng theo căn cơ mà ban bố giáo pháp; "Tùy" là tùy thuận chúng sanh. [*Tùy điển*] là tùy thuận căn tánh, tùy lòng chúng sanh ưa thích, tùy thuận phương thức sinh sống hiện tại của chúng sanh mà vì họ diễn nói. Bởi thế, Phật giáo hóa chúng sanh hết sức sống động, tùy thời, tùy chỗ mà biến hóa, điều này rất giống với việc dạy học trong thế gian. Ví như một đứa trẻ, tùy theo độ tuổi của nó, tuổi của nó lớn hơn thì trí huệ và kinh nghiệm cũng tăng trưởng theo. Thầy dạy nó nhất định phải tùy theo độ tuổi, tùy theo trí huệ, tùy theo kinh nghiệm của nó mà không ngừng điều chỉnh tài liệu giảng dạy và phương pháp dạy dỗ. Tuyệt đối chẳng thể dạy nó bằng một khóa trình hễ đã soạn thành thì bất biến, không phải như vậy!

Dẫu cho việc dạy học thời cổ, đúng là từ nhỏ (lúc mới sáu bảy tuổi) liền dạy nó đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, đến năm bảy tám mười tuổi tóc râu bạc trắng vẫn đọc Tứ Thư Ngũ Kinh, tài liệu giảng dạy không thay đổi; nhưng quý vị phải hiểu: Trong phương pháp dạy học, đối với việc giải thích, thấu hiểu, vận dụng tài liệu giảng dạy, đúng là theo từng độ tuổi mà thay đổi. Kinh điển Phật giáo cũng giống như thế. Từ lúc quý vị mới học Phật dạy quý vị đọc kinh, cho đến một trăm tuổi vẫn là đọc một bản kinh đó, nhưng có thể nói là quý vị lãnh hội sai khác, mỗi năm không giống nhau, mỗi tháng khác nhau. Đem những ý nghĩa do quý vị đã thấu hiểu từ kinh sách áp dụng vào cuộc sống thực tại, áp dụng vào công việc, áp dụng trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật, dẫn dắt chúng sanh phá mê khai ngộ trong đời này, lìa khổ, được vui. Chẳng những dẫn dắt một đời mà lại còn dẫn dắt đời đời kiếp kiếp trong mai sau, kinh điển chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, phải biết tùy cơ diễn nói!

"*Pháp âm xa nghe*": Phàm phu chúng ta chẳng dễ gì hiểu nổi chuyện "*pháp âm xa nghe*" này. Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta có thể dùng kỹ thuật khoa học để chuyển tải hình ảnh và âm thanh thành sóng điện từ (electromagnetic wave). Người ở phương xa thu được sóng điện từ ấy, lại chuyển nó thành hình ảnh và âm thanh, nên sẽ thấy được, nghe được. Nay nhờ máy truyền hình, máy phát thanh (radio), mạng Internet nên hình ảnh và âm thanh đều có thể thấy được. Pháp âm xa nghe đấy! Nhưng thật ra, chúng ta mê mất tự tánh nên tác dụng đức năng trong tự tánh chẳng hiện tiền, bởi thế, các nhà khoa học dùng máy móc, dụng cụ (dụng cụ) để hỗ trợ chuyển biến. Chứ trên thực tế, kinh Phật dạy chúng ta, không cần phải nhờ vào bất cứ máy móc nào, tự bản thân chúng ta sẵn có năng lực. Sắc tướng, âm thanh, ý niệm và tạo tác của chúng ta trong khoảng sát-na tự hồ đồng thời trọn khắp hư không pháp giới. Chúng ta phải hiểu đạo lý và chân tướng sự thật này. Nếu sự thấy - nghe - hay - biết của

chúng ta chẳng trọn khắp hư không pháp giới, quý vị hãy nghĩ xem, lẽ nào chúng ta lại có thể khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát?

Tâm tánh của Phật và Bồ Tát trọn khắp hư không, pháp giới, tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp hư không pháp giới. Vì thế, nói theo mặt tâm tánh thì không hai, không khác, tự - tha bất nhị; chẳng những chúng sanh và Phật không hai, mà chúng sanh và hết thảy hữu tình, vô tình chúng sanh cũng không hai! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta hãy chú tâm thấu hiểu và quán sát sẽ thấy vũ trụ là một Thể, đã là một Thể thì nhất định chẳng thể chia cắt! Nay nói từ cái thân người của chúng ta đây thì tất cả hết thảy khí quan và các tế bào trên thân người đều là một Thể, nhưng cái một Thể ấy lại có thể chia cắt, hiện tại có thể dùng "thủ thuật ngoại khoa" (giải phẫu) để chia cắt. Vũ trụ một Thể là Pháp Thân, Pháp Thân chẳng thể chia cắt. Bởi vậy, nếu muốn tỷ dụ thì nói thật ra, chẳng có một vật nào có thể dùng để sánh ví cho thích hợp; tỷ dụ chỉ có thể mượn tượng, tương tự; chắc chắn không có cách nào sánh ví cho thật phù hợp được.

Như vậy, thấy - nghe - hay - biết trọn khắp pháp giới, hư không giới, do chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên năng lực ấy bị chướng ngại, chứ năng lực ấy không hề bị hoại mất. Khi nào quý vị trừ được chướng ngại ấy, năng lực sẽ khôi phục hiện tiền. Nói "khôi phục" cũng không thích đáng! Khôi phục là phải mất đi rồi có lại được thì mới gọi là khôi phục; chứ về căn bản, năng lực ấy không hề bị mất đi, chỉ là bị chướng ngại mà thôi! Dầu bị chướng ngại, năng lực vẫn khởi tác dụng y như cũ, chẳng qua nó khởi tác dụng nhưng chúng ta không cảm nhận được. Chướng ngại là như vậy đó, chướng ngại sự cảm nhận của chính chúng ta là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa thể buông xuống được! Nói chung, phải hiểu rõ: Quả thật pháp âm có thể xa nghe.

"Có thể khiến cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui". Đây là âm thanh thù thắng, phần trên gọi là "âm thanh tối thù thắng" (Tối Thắng Âm). Thế nhưng, nói thật ra, mê hay ngộ là do chính mình. Người hiểu và kẻ không hiểu khác biệt rất lớn; bởi vậy, tổ sư đại đức trong Tông Môn và Giáo Hạ nhà Phật thường trắc nghiệm học trò: "Ngươi hiểu ư?" Câu hỏi này có ý nghĩa rất sâu xa, sâu rộng vô tận. "Ngươi hiểu ư?", nếu quả thật hiểu, phàm tất cả tướng đều là Thật Tướng; tất cả âm thanh đều là Phật âm, hiểu là như vậy đó! Hiểu là giác ngộ. Nếu như mê thì cảnh giới bên ngoài, tức cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn sẽ được gọi là "sáu trần"!

Trần (塵) là gì? Trần là bất giác, Trần là mê hoặc, Trần là ô nhiễm, đó gọi là "sáu trần". Sau khi giác ngộ thì không gọi là sáu trần nữa mà gọi là "sáu tánh", mắt thấy Sắc Tánh, chứ không phải là Sắc Trần. Như vậy, chưa

hiểu thì mắt thấy Sắc Trần, tai nghe Thanh Trần; còn nếu giác ngộ thì mắt thấy Sắc Tánh, tai nghe Thanh Tánh, thấy - nghe - hay - biết đều là tánh, minh tâm kiến tánh! Căn tánh Năng Kiến (chủ thể nhận biết) của sáu căn và sáu tánh (tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu tánh) của cảnh giới Sở Kiến (bị nhận biết), Năng - Sở là một không hai. Vì thế, ông Âu Dương Cảnh Vô nói: "*Phật pháp không phải là triết học!*" Trong triết học, Năng và Sở là hai; trong Phật pháp, Năng và Sở là một, không hai. Ý nghĩa này rất sâu!

Tánh Thấy và Sắc Tánh là một tánh. Quý vị thường nghe nói đến Phật Tánh và Pháp Tánh, ở đây, quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng: Mắt thấy Sắc, căn tánh của mắt là Phật Tánh; còn sắc tánh của sắc tướng được quý vị thấy đó thì là Pháp Tánh. Nếu như mê thì [tác dụng nhận biết của nhãn] căn chẳng được gọi là Căn Tánh, mà gọi là Nhãn Thức, những gì ở bên ngoài được thấy bởi Nhãn Thức sẽ gọi là Sắc Trần, không gọi là Sắc Tánh. Mê một thì mê hết thảy, mê nơi chính mình nên cũng mê nơi cảnh giới bên ngoài. Mê nơi chính mình là chuyển Tánh Thấy thành Nhãn Thức, đó là mê vậy! Tánh Thấy bị chuyển thành Nhãn Thức thì cảnh giới bên ngoài cũng bị chuyển theo, y báo chuyển theo chánh báo; Sắc Tánh bên ngoài bị chuyển thành Sắc Trần, cảnh chuyển theo tâm mà! Từ chỗ này, ta có thể hiểu hết sức rõ ràng thế nào là Phật tánh, thế nào là Pháp Tánh? Phật Tánh có thể biến, có giác và mê; Pháp Tánh thì không, Pháp Tánh chuyển theo Phật Tánh. Phật Tánh là chánh báo, Pháp Tánh là y báo; y báo hoàn toàn chuyển theo chánh báo.

Chánh báo giác ngộ thì chính là như Giao Quang đại sư đã nói trong sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch; Sư giảng rất hay: "*Bỏ Thức dùng Căn*". Bỏ Thức dùng Căn là chuyển Thức thành Trí, Pháp Tướng Tông gọi [bỏ Thức dùng Căn] là "*chuyển Thức thành Trí*". "*Chuyển*" thì có chuyển trên mặt Nhân và chuyển nơi mặt Quả. Trong tám thức thì thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển nơi Nhân, năm thức đầu và thức thứ tám chuyển nơi Quả. Quý vị hiểu rõ thì sẽ biết chúng ta phải dụng công như thế nào. Năng lực mạnh nhất của thức thứ sáu tức Ý Thức là phân biệt, năng lực mạnh nhất của thức thứ bảy tức Mạt Na Thức là chấp trước. Vậy thì chúng ta phải chuyển chúng bằng cách nào? Không chấp trước hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian, không chấp trước là chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Không phân biệt hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian nữa; không phân biệt sẽ chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Phải chuyển từ chỗ ấy. Đối với thức thứ tám và năm thức trước, quý vị không cần phải bận tâm, hai thứ đó sẽ chuyển theo. Thức thứ tám và năm thức trước thảy đều bị chuyển cả, liên đới chuyển theo.

Người tu hành bất luận tu học một pháp môn nào, trong kinh Phật thường nói là "*tác quán*". Danh từ "*Chỉ Quán*" chỉ chung cả tám vạn bốn

ngàn pháp môn, kể cả pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật. Trong nhà Phật, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, danh từ ấy (tức Chỉ Quán) là nguyên tắc chỉ đạo tổng quát, là tổng cương lĩnh. Chẳng hạn như chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có phải là tu Chỉ Quán hay không? Phải! Lúc niệm một câu A Di Đà Phật, buông xuống vạn duyên, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có, buông ý niệm xuống chính là Chỉ; một câu Phật hiệu rõ ràng, minh bạch là Quán. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn nói Trì Danh Niệm Phật là "*thậm thâm thượng diệu Thiên*", Thiên chính là Chỉ Quán. Vì sao nói niệm Phật không phải là Tu Thiên? Đúng là đang tu Thiên ấy chứ, đã thế, lại còn tu Thượng Thượng Thâm Diệu Thiên, rất ít ai biết!

Chỉ (止) là gì? Là dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến cho chúng ngừng dứt. Trong giáo pháp Đại Thừa, Chỉ thường được gọi là tam-muội, tâm địa vĩnh viễn giữ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là Chỉ! Quán (觀) là cảnh giới bên ngoài rõ ràng, minh bạch; trong - ngoài đều rõ ràng; trong là căn tánh của sáu căn, ngoài là Pháp Tánh. Minh tâm kiến tánh! Minh tâm là năng kiến, chân tâm; Kiến tánh: Không một pháp nào chẳng do tánh biến hiện, "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*", tâm thức là Pháp Tánh. Vì thế, đạt đến cảnh giới này, những cảnh giới mà sáu căn đối ứng và tiếp xúc chỉ là Pháp Tánh mà thôi! Giống như cổ đức thường ví von: "*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*" (Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Vàng ròng chế làm ngàn vạn món đồ vật, lấp lánh chói mắt để mình đến ngắm nghía, thưởng thức. Quý vị nhìn xong, thấy chúng là gì? Chỉ là hoàng kim mà thôi! Ngoài hoàng kim ra, không có gì khác hết.

Vì vậy, người thực sự minh tâm kiến tánh thấy núi, sông, đại địa, hư không, pháp giới, hết thảy chúng sanh, nếu quý vị hỏi người ấy thấy gì ư? Những gì họ thấy là một tánh; giống như những thứ lấp lánh chói mắt ta thấy toàn là vàng ròng, khắp tất cả là vàng ròng! Trừ hoàng kim ra, không còn có gì khác. Lúc kiến tánh, ngoại trừ Pháp Tánh ra, cái gì cũng không có! Pháp Tánh là thanh tịnh, Pháp Tánh là bình đẳng, Pháp Tánh không sanh diệt, Pháp Tánh không đến đi: "*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*" (Sanh ra từ nơi nào, diệt tận ngay nơi đó), "*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*" (tùy theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng nhận biết của họ). Quý vị thấy mấy câu kinh Lăng Nghiêm giảng rất rõ ràng. Chân tướng của vũ trụ vạn hữu đây! Phá mê khai ngộ rồi sẽ lìa khổ được vui, tất cả hết thảy khổ đều chẳng có; chẳng bị hết thảy khổ, đó chính là lạc!

Trong kinh Di Đà, đức Thế Tôn cho biết vì sao thế giới ấy gọi là Cực Lạc? Đức Phật giảng rất hay, chúng sanh trong thế giới ấy không có các nỗi khổ,

không phải chịu khổ, nên gọi là Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta khổ nhiều vui ít, vui cũng là khổ, chẳng phải là chân lạc! Vì thế, đức Phật nói Vui là Hoại Khổ, không khổ không vui là Hành Khổ; nói cách khác, nỗi khổ bao trùm mọi trạng huống cuộc sống của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Bọn họ đang chịu khổ, tam giới đều khổ. Thế giới Cực Lạc không khổ, chẳng có Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ; vì thế, gọi là Cực Lạc. Chúng ta hiểu rõ, hiểu thông suốt, hiểu rành rẽ ý nghĩa thô thiển ấy thì sẽ chết lòng trọn ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đã thế, còn khuyên người khác. Bất cứ chướng nạn nào cũng chẳng chướng ngại quý vị được! Vì sao? Thực sự hiểu rõ, hiểu minh bạch chân tướng của sự thật. Danh Quang Phật là như vậy đó. Tiếp theo là vị Phật:

Đạt Ma Phật.

達磨佛。

Đạt Ma (Dharma) là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp. Chúng ta nói Phật - Pháp - Tăng: Phật Đà (Buddha), Đạt Ma (Dharma), Tăng Già (Sangha) đều là dịch âm tiếng Phạn, bởi thế, Đạt Ma được dịch là Pháp, "*biểu thị đại pháp được truyền thừa từ chính đức Phật*". Pháp môn ấy sâu rộng vô tận, không pháp nào có thể sánh bằng. Quý vị học đại pháp ấy từ đâu? Ta học từ thầy, thầy là ai? Thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đương nhiên, chúng ta được thừa hưởng từ từng đời tổ sư truyền xuống nên chúng ta mới biết. Tuy là tổ sư dạy cho chúng ta, nhưng kinh chúng ta đọc ở đây là do chính miệng Như Lai nói ra, tổ sư đại đức lại giới thiệu cho mình. Chúng ta mở kinh ra chính là được truyền thừa trực tiếp từ đức Phật.

Huống chi Thích Ca Mâu Ni Phật trước khi nhập Niết Bàn dạy chúng ta Tứ Y Pháp (bốn phép nương tựa). Phật không còn trong thế gian, chúng ta phải nương tựa vào đâu? Đức Phật rất từ bi, chỉ dạy chúng ta Tứ Y Pháp:

1) Thứ nhất là "*y pháp, bất y nhân*" (nương vào pháp, chứ không nương theo người). Pháp là gì? Pháp là kinh điển. Nương theo Pháp, Pháp do đức Phật nói, trực tiếp nương theo lời Phật giảng. Quý vị thấy đó, thực sự phi phàm! Chúng ta là truyền nhân trực tiếp của Thích Ca Như Lai. Đặc biệt là Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Tông không có tổ sư, tổ sư Tịnh Độ Tông do đâu mà có? Do người đời sau đặc biệt tôn kính những vị tu Tịnh Độ ấy, xưng tụng các Ngài là tổ sư. Bởi thế, tổ sư Tịnh Độ Tông khác với tổ sư các tông phái khác. Hết thầy tông phái khác là một thầy truyền cho một trò, vì thế có nhiều đời. Tịnh Độ Tông không có, Tịnh Độ Tông là dân tuyển, chẳng phải là một người truyền cho một người: Sơ Tổ không truyền cho Nhị Tổ, Nhị Tổ

cũng chẳng truyền cho Tam Tổ. Người đời sau công nhận thành tựu của vị ấy: Đối với sự tu trì Tịnh Độ, đối với việc hoằng dương Tịnh Độ Tông, Ngài có cống hiến đặc biệt thù thắng, bèn tôn Ngài làm tổ sư. Bởi thế, cho đến nay, Tịnh Độ Tông chỉ có mười ba đời, tức là chỉ có mười ba vị. "*Y pháp bất y nhân*", trực tiếp truyền thừa.

Chúng ta trực tiếp truyền thừa giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, ba kinh một luận của Tịnh Độ Tông, sau này, tổ sư đại đức thêm vào hai loại, nay là năm kinh một luận, đủ rồi, đó là trực tiếp truyền thừa! Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, quả thật trong Tịnh Độ Tông không có Tổ Sư truyền cho nhau từng đời, chúng ta chớ hiểu lầm. Vì sao? Mỗi một người tu Tịnh Độ đều là trực tiếp truyền thừa, thật chẳng thể nghĩ bàn! Ai nấy đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật, là đích truyền! Bởi thế, pháp môn này được hết thảy chư Phật khen ngợi, hết thảy Bồ Tát, thiện thần ủng hộ, chẳng phải là không có lý! "*Kham làm khuôn phép cho chúng sanh*", được truyền thừa từ chính đức Phật, kham làm khuôn phép cho chúng sanh, làm mô phạm cho hết thảy chúng sanh, "*tức là Tứ Y Pháp trong nhà Phật vậy*". Chúng tôi cũng nêu Tứ Y Pháp ở đây, "*y pháp bất y nhân*".

2) Thứ hai, "*y nghĩa bất y ngữ*" (nương theo nghĩa chứ không nương theo lời nói). Hiện thời có rất nhiều người phê bình bản hội tập, họ không hiểu câu này trong pháp Tứ Y. Nếu hiểu được câu này, vấn đề sẽ được giải quyết ngay. Cốt sao ý nghĩa của Phật minh bạch, lời lẽ nhiều thêm một câu hay bớt đi một câu, nói sâu, nói cạn, nói dài, nói ngắn cũng không ăn nhằm gì. Chỉ cần đúng ý nghĩa là được rồi! Nêu ra pháp Tứ Y này, đức Phật biết rõ ràng minh bạch rằng trong tương lai kinh giáo lưu thông đến mười phương, ngôn ngữ, văn tự tại mỗi địa phương khác nhau, nhất định phải thông qua phiên dịch. Phiên dịch rồi, những bản dịch ấy có được đại chúng tin tưởng hay không thì dùng pháp Tứ Y này để luận. Bản dịch không có vấn đề: Hễ ý nghĩa đúng thì ngôn ngữ bất đồng cũng không sao hết! Ý nghĩa phải đúng! "*Y nghĩa bất y ngữ*".

Bản hội tập là [tập hợp những ý quan trọng được] tuyển chọn từ năm bản dịch gốc, chúng ta đem bản hội tập đối chiếu với những bản dịch gốc, không sai ý nghĩa, y nghĩa bất y ngữ, chúng ta thấy tin tưởng được, có thể sử dụng được. Nếu phản đối tức là không hiểu Tứ Y Pháp. Nói thật ra, hiện nay có rất nhiều người nghi hoặc những bản phiên dịch không đáng tin, nhất định phải dựa vào nguyên bản Phạn văn. Theo như chúng tôi biết về kinh điển nguyên bản bằng Phạn văn thì lúc đức Phật còn tại thế, không dùng văn tự để ghi chép. Sau khi đức Phật diệt độ, ngài A Nan nhắc lại, đại chúng ghi chép. Rốt cuộc là đáng tin tưởng hay không? Nếu thực sự tìm lấy bản gốc ráo tin tưởng được, thì không phải do người thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật ghi chép lại sẽ không được. Từ miệng người này truyền sang người

khác, ai nấy đều hoài nghi, sẽ trở thành vấn đề nghiêm trọng. Tất cả hết thầy kinh, ngay cả nguyên bản Phạn văn cũng bị phết mấy dấu hỏi, như vậy là quý vị sẽ không đạt được lợi ích thù thắng!

3) Thứ ba, "*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*" (nương theo kinh liễu nghĩa, không nương vào kinh không liễu nghĩa). Liễu nghĩa là gì? Bất liễu nghĩa là gì? Ở đây, tôi chỉ ra nguyên tắc cho quý vị: Liễu nghĩa, bất liễu nghĩa mỗi người mỗi khác. Khế cơ và khế lý thì là liễu nghĩa; khế lý không khế cơ là bất liễu nghĩa. Khế cơ mà không khế lý cũng là bất liễu nghĩa. Liễu nghĩa nếu giảng đến rất ráo là nếu chúng ta nương vào pháp môn này để tu học, trong một đời chúng ta có thể khai ngộ, có thể chứng quả, có thể vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, thì đối với ta, pháp môn ấy là liễu nghĩa! Rất ráo liễu nghĩa thì phải giúp cho chúng ta trong một đời này chứng được Phật quả viên mãn rất ráo. Đây chính là liễu nghĩa bậc nhất trong các liễu nghĩa. Ngàn kinh vạn luận bày trước mặt quý vị, chính quý vị chọn lựa, pháp môn nào, bộ kinh nào đối với chúng ta là rất ráo liễu nghĩa? Chính là bộ kinh nào, pháp môn nào mà chúng ta y theo đó, trong một đời này sẽ chắc chắn thành tựu Phật quả viên mãn. Quý vị hãy suy nghĩ, trừ kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ ra, muốn trong một đời sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo là chuyện không thể được. Nói cách khác, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là liễu nghĩa rất ráo!

Kinh Di Đà từ xưa đến nay có hai bản dịch, La Thập đại sư dịch ý, đó chính là bản dịch chúng ta đang đọc tụng. Bản dịch của ngài Huyền Trang là dịch thẳng. Hai loại bản dịch như vậy. Nay chúng tôi đều in cả hai bản dịch, quý vị có thể tham khảo, có thể so sánh. Từ cổ đến nay, tổ sư đại đức, rất nhiều người học Phật đều chọn lấy bản dịch của ngài La Thập, quả thật đây là bản dịch hay. Còn như kinh Vô Lượng Thọ, từ mục lục Đại Tạng Kinh, chúng ta thấy thời cổ kinh này được phiên dịch đến mười hai lần. Từ đời Hậu Hán đến Nam Tống, trong vòng tám trăm năm, tổng cộng mười hai lần phiên dịch, nhưng có những bản đã bị thất truyền, tức là có bảy bản trong số ấy bị thất truyền, nay chỉ còn lưu truyền năm bản, chúng ta gọi là "năm bản dịch gốc"(ngũ chủng nguyên dịch).

Đối chiếu những bản ấy thấy sự khác biệt rất lớn, vì thế, dựa trên tình hình này cổ đức nhận định: Nhất định Thích Ca Mâu Ni Phật phải giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần, chứ không phải chỉ một lần. Nếu chỉ một lần, cùng một bản gốc đầu được nhiều người dịch đến đâu đi nữa thì chỉ đại đồng tiểu dị, không thể nào sai biệt quá lớn như thế được! Rõ ràng nhất là phần phát nguyện của A Di Đà Phật, quý vị thấy đó, trong năm bản dịch, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, hai bản ghi hai mươi bốn nguyện, một bản ghi ba mươi sáu nguyện, sai biệt rất lớn như thế. Nếu chỉ là một bản gốc (tức nguyên bản tiếng Phạn) thì chẳng thể có dị biệt lớn như vậy được. Vì vậy,

từ ba loại sai biệt ấy, cổ đức phán đoán đương thời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ tối thiểu ba lần. Chúng ta không được đọc những bản thất truyền, nhưng nói chung kinh này phải được giảng từ ba lần trở lên! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh chưa bao giờ giảng trùng lặp, thế nhưng kinh Vô Lượng Thọ lão nhân gia giảng tối thiểu ba lần, nên bộ kinh này rất đáng được coi trọng!

Do vậy, hội tập là chuyện cần thiết! Người hội tập sớm nhất là ông Vương Long Thư, người đời Tống. Bản hội tập của ông Vương Long Thư mang tên Đại A Di Đà Kinh, đã được lưu trong Càn Long Đại Tạng Kinh, tức là đã nhập tạng rồi. Trong tác phẩm chú giải A Di Đà Kinh là A Di Đà Kinh Sớ Sao, Liên Trì đại sư có trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ, quá nửa những đoạn kinh Vô Lượng Thọ được Ngài trích dẫn lấy từ bản hội tập của ông Vương Long Thư. Do đây ta biết, bản hội tập của ông Vương Long Thư đã được tổ sư khẳng định! Tổ sư chẳng trích dẫn từ bản dịch gốc mà dùng bản hội tập là có lý. Nếu nay chúng ta hoài nghi bản hội tập thì là sai lầm quá sức, chính là không hiểu được pháp Tứ Y!

4) Pháp cuối cùng trong Tứ Y Pháp là "*y trí bất y thức*". Đây chính là điều chúng ta hiện đang nói: Chẳng riêng việc học Phật mà ngay cả trong xử sự, đãi người, tiếp vật bình thường, cũng phải dựa theo Lý Trí, chẳng được làm việc theo tình cảm. Nay ta gọi Thức là "dùng cảm tình để xử sự". Xử sự theo cảm xúc thường mắc sai lầm, quý vị phải dựa vào Lý Trí, học Phật lại càng phải làm như thế. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Phải dùng trí huệ để phán đoán, chọn lựa, chẳng thể xử sự theo cảm tình. Xử sự theo cảm tình sẽ tạo thành sai lầm.

Ở đây, chúng tôi có chú thích một câu như sau: "*Pháp sư Khuy Cơ soạn Thông Tán Sớ để làm gương cho mặt thế*". Làm gương như thế nào? Chính là "*y trí bất y thức*". Khuy Cơ đại sư là đồ đệ của Huyền Trang đại sư, Ngài soạn Thông Tán Sớ để chú giải kinh A Di Đà, nhưng không dùng bản dịch của thầy mình. Nói theo lẽ thường, bản dịch của thầy mình khá lắm, lẽ ra, ta phải dùng bản dịch của thầy mình để soạn chú giải. Ngài lại không làm như vậy, mà dùng bản dịch của ngài Cư Ma La Thập, chẳng dùng bản dịch của thầy mình. Như vậy có phải là bất kính đối với thầy hay chẳng? Không phải! Bản dịch của ngài La Thập rất hay, đã được lưu truyền rộng rãi toàn quốc, có gì phải dùng bản dịch của thầy mình, rất ít người đọc đến bản dịch ấy. Khi Ngài chú giải kinh này, dù là tình thầy trò, vẫn chẳng thể nhiều loạn sự thấy nghe của người tu hành. Ngài chọn dùng bản dịch của Cư Ma La Thập, thầy Ngài là Huyền Trang đại sư cũng không trách móc, không nói: "Người phản thầy nghịch đạo!" Không hề có! Huyền Trang đại sư có nhã lượng như vậy, Khuy Cơ đại sư làm như vậy khá lắm. Đó chính là "*y trí bất*

y thức”, nương theo lý trí chứ không dùng cảm tình. Thầy trò họ nêu gương cho chúng ta. Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp vị Phật thứ năm trong đoạn thứ sáu của phần Mười Phương Phật.

Pháp Tràng Phật.

法幢佛。

“*Biểu thị vì chúng sanh làm con mắt chọn lựa pháp, dựng tràng pháp, lập tông chỉ, giáo hóa tịnh hành, phước độ chúng sanh*”. Đó là ý nghĩa của danh hiệu này. Tràng (dhvaja) là một loại cờ xí, chúng ta thường nói là “*tiêu chí*” (biểu hiệu). Tràng có hình tròn, hơi giống bình nén khí ở phi trường, hơi giống hình dạng ấy. Tại Trung Quốc và Nhật Bản, chúng ta vẫn thường thấy những cái tràng tại các tự viện lớn.

Thời cổ, khi chùa chiền giảng kinh, thuyết pháp, nay chúng ta gọi là “lên lớp”, làm thế nào để thông tri cho người khác biết mà đến nghe, đến cùng học tập? Phật pháp là đạo thầy trò, người Hoa hết sức coi trọng và tôn kính thầy. Bởi vậy “*chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (chỉ nghe nói có kẻ tới xin học, chứ chưa nghe nói thầy phải đi tới chỗ trò để dạy). Học là cầu học, quý vị phải đến chỗ thầy để cầu học, chứ thầy không phải đến dạy cho mình. Thầy hết sức khiêm hư, trọn chẳng dám chèo kéo quý vị, nay ta nói “chiêu sinh”, chứ xưa kia không dám bảo là chiêu sinh. Nói “chiêu sinh” là rất cuồng vọng, anh có đức hạnh gì mà dám dạy người khác, người càng đạo đức lại càng khiêm hư. Làm cách nào đây? Bèn dùng tràng phan, dùng phương pháp ấy để thông báo cho mọi người biết: Bữa nay trong đạo tràng của chúng tôi có giảng kinh, dạy học, chúng tôi treo tràng trên cột cờ. Mọi người xa gần trông thấy cột cờ của đạo tràng có treo cái tràng hình tròn, liền biết hôm nay pháp sư sẽ giảng kinh, thuyết pháp, người thích nghe kinh sẽ tự đến. Vì thế, không chiêu sinh, mà là thông tri, quý vị thích thì đến, không thích thì thôi. Dùng phương pháp ấy, hoàn toàn tự động, khiêm hư mà!

Trong thời đại hiện nay lại khác hẳn, trong thời đại hiện tại đã bước vào giai đoạn kỹ thuật cao, chúng ta không dùng tràng nữa, vì với khoảng cách rất gần dùng tràng thì được, chứ với khoảng cách xa thì không có hiệu quả. Nay chúng ta đem thời gian, bằng tần [của đài truyền hình hay đài phát thanh] giảng kinh in ra như quảng cáo để giới thiệu cùng hết thầy đại

chúng, khiến cho mọi người đều biết. Nếu quý vị thích nghe kinh, thích nghe kinh gì, vào lúc nào, ở làn sóng nào thì đến lúc đó quý vị tự mở lên, hoàn toàn có cùng ý nghĩa với tràng phan.

Vì thế, giới thiệu cho người khác nghe kinh, nay có thể không cần phải gửi tặng kinh sách, băng thâu hình, băng thâu âm, đều không cần đến nữa, tốt nhất là in những tấm cạc (card), to bằng tấm danh thiếp, in những thông tin [giảng kinh] trên đó, tặng cho bạn bè thân thiết và người quen biết. Họ thích nghe thì dựa theo những thông tin đó, vào lúc nào, trên làn sóng nào, họ đều có thể thâu được, hoặc là nối vào Internet, hoặc là xem truyền hình, truyền hình vệ tinh. Vậy là tốt! Những việc ấy có cùng ý nghĩa như treo tràng phan, giới thiệu người khác nghe kinh nghe pháp. Treo phan thì quá nửa là pháp hội, thông tri nếu quý vị có thời gian thì đến cùng tu. Pháp hội cộng tu dùng phan; pháp hội giảng kinh dùng tràng, gọi là "pháp tràng".

Dạy học, giảng kinh là "*vì chúng sanh làm con mắt chọn lựa pháp*", đặc biệt là đối với kẻ sơ học, đúng là Phật pháp bằng lòng như khói trên mặt biển, pháp môn nhiều như thế, kinh điển ngàn ấy, ta học pháp môn nào đây? Pháp môn nào thích hợp cho mình? Bởi thế, bản thân pháp sư có kinh nghiệm tu hành và giảng dạy, có thể giúp mọi người chọn lựa pháp môn, nêu ra những phương pháp tu học cho người ấy tham khảo. Đó là "*làm con mắt pháp*", giúp mọi người chọn lựa pháp môn. Chuyện này cần phải có trí huệ, nhất là pháp sư truyền pháp. Truyền pháp là giảng kinh, thuyết pháp, truyền đạo, trong các tôn giáo khác thường gọi là "nhà truyền giáo". Người ấy nhất định phải hiểu thực trạng xã hội, con người thường suy nghĩ những gì? Nói năng những gì? Làm những gì? Phải chú tâm quan sát! Có như vậy quý vị mới dạy học, mới thuyết pháp khế cơ, những gì quý vị đề xuất đều khớp với những nhu cầu bức thiết của người ta, có như vậy người ta mới hoan hỷ, mới bằng lòng học tập.

Hiện tại xã hội động loạn, nhu cầu bức thiết nhất của con người là xã hội an định, thế giới hòa bình, con người đối xử hòa thuận với nhau, hợp tác cùng nhau, đây chính là nhu cầu bức thiết trong hiện tại. Khóa trình dạy học của chúng ta phải lấy những điều ấy làm trung tâm, trọng điểm. Đối với mỗi cá nhân, sự lợi - hại, được - mất của người ấy quan trọng hơn bất cứ gì khác. Những chuyện lợi - hại, được - mất, nói chung, chẳng ngoài ba loại: Thứ nhất là cầu giàu có, thăng quan, phát tài; thứ hai là cầu trường thọ, mạnh khỏe, sống lâu. Những điều ấy đều là nhu cầu bức thiết. Từ hai nhu cầu này, chúng ta nêu ra khóa trình thứ ba là trí huệ, cầu trí huệ. Vì sao? Quý vị muốn thăng quan, phát tài, muốn cầu sống lâu, khỏe mạnh, đều cần phải có trí huệ, không có trí huệ sẽ chẳng thể làm được!

Theo thứ tự của nền giáo học nhà Phật, trí huệ được xếp vào hàng đầu. Con người hiện thời xếp trí huệ xuống cuối, cái họ mong muốn đầu tiên là phát tài, kế tiếp là mạnh khỏe, sống lâu, diên đảo như thế đó! Trong sự giáo học và tu hành của Phật pháp, điều đầu tiên là trí huệ, phải cầu trí huệ. Thứ hai là mạnh khỏe sống lâu, phát tài là chuyện cuối cùng, không đáng coi là quan trọng. Có trí huệ thì vấn đề nào chẳng thể giải quyết được! Vì thế, từ đầu đến cuối, sở cầu của Phật pháp là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu nói theo cách bây giờ thì là "trí huệ viên mãn rất ráo". Phật pháp là phương pháp trí huệ, Phật học là học vấn trí huệ, phá mê khai ngộ mà! Đó là Phật pháp. Chữ Phật là tiếng Phạn, có nghĩa là trí huệ, là giác ngộ; vì thế, theo mặt chữ dịch ra thì Phật pháp là phương pháp trí huệ, là phương pháp giác ngộ. Quý vị mới thực sự có năng lực, có trí huệ vì hết thảy chúng sanh chọn lựa phương pháp tốt nhất khiến cho họ học được không khó khăn, lại còn đạt được lợi ích thù thắng.

Câu thứ hai: "*Dựng pháp tràng, lập tông chỉ*". Nói như bây giờ, "dựng pháp tràng" là tạo lập đạo tràng. Đạo tràng trong hiện thời chẳng thể không tuân thủ lời Ấn Quang đại sư dạy. Lão nhân gia dạy chúng ta, từ thế kỷ hai mươi trở đi, đạo tràng theo quy mô nhỏ; thời đại đã khác với thời quân chủ, xã hội nông nghiệp trước kia. Vì thế, đạo tràng không thể giống như trước được. Đạo tràng hiện tại phải có quy mô nhỏ, tổ sư dạy chúng ta: Chúng thường trụ lấy hai mươi người làm giới hạn, chẳng được vượt quá hai mươi người, tự mình lo liệu cuộc sống của chính mình. Đạo tràng quy mô nhỏ không cần phải hóa duyên, người thực sự tu hành sẽ được cúng dường, cuộc sống thanh bần một chút là tốt. Vì sao? Cuộc sống thanh bần sẽ kích phát đạo tâm, khiến cho quý vị chẳng lưu luyến thế gian này, không tham ái, không lưu luyến, tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ khẩn thiết.

Đạo tràng xây cho to, giàu có, choáng lộn, nguy nga thì con người không có đạo tâm. Vì sao? Khởi tham - sân - si, tham luyến hoàn cảnh ấy, không muốn vắng sanh, tâm phan duyên bèn sanh khởi, đều là chướng đạo! Tổ sư suy nghĩ rất hợp lý. Đạo tràng nhỏ, vài người chí đồng đạo hợp cùng nhau tu hành, tốt quá! Chẳng làm pháp hội, quyết định chẳng làm kinh sám Phật sự, thuần túy là đạo tràng niệm Phật. Tổ dạy không thu đồ đệ, không truyền giới, không làm pháp hội, ngay cả kinh cũng không cần giảng, thật thà niệm Phật. Công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường, hai mươi người cùng tu một chỗ. Nay chúng tôi quan sát tình hình xã hội trong hiện tại, nhận thấy cách nghĩ của tổ sư tuyệt đối chính xác; nhưng trong tình hình xã hội hiện tại, phải nghe kinh! Vì sao? Không nghe kinh, quý vị sẽ không hiểu lý. Không hiểu lý thì niệm Phật là tu mù luyện đui! Trong thời đại xưa kia thì được, chứ trong thời đại hiện thời chẳng được! Chúng ta phải hiểu rõ tình trạng hiện tại để tuân thủ nguyên tắc do tổ sư đã chỉ dạy.

Hiện tại, cái đạo tràng nhỏ này của chúng ta phải nghe kinh, một ngày tối thiểu là nghe kinh hai giờ, có thể dùng thời gian còn lại để niệm Phật. Mỗi ngày nghe kinh chớ để gián đoạn! Nghe kinh không những khiến quý vị hiểu rõ lý, mà mỗi ngày nghe giáo huấn của Phật, sẽ kiên định tín nguyện của chính mình, hóa giải những phiền não, vọng tưởng, tập khí. Nghe kinh sẽ hóa giải [những thứ ấy] dễ dàng, giải hạnh tương ứng. Nếu là sơ học, phiền não tập khí nặng nề, tốt nhất là mỗi ngày nghe kinh bốn tiếng đồng hồ, niệm Phật trong Niệm Phật Đường mười hai tiếng đồng hồ. Tu như vậy không ai chẳng thành công, thực sự thực hành mà! Đạo tràng ấy chắc chắn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ.

Còn như hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh thì dùng Internet, dùng truyền hình vệ tinh; vì thế, trong đạo tràng nhỏ này lập thêm một studio [để thu phát những buổi giảng kinh] là đủ. Đó là đối ngoại hoằng pháp. Đối ngoại hoằng pháp tự nhiên có người, bản thân chúng ta không cần bận tâm, chúng ta chỉ cần đem bài giảng (tức là giảng kinh nội bộ mỗi ngày hai hay bốn tiếng đồng hồ) thu âm hay thu hình lại, có những tín đồ rất nhiệt tâm, để cho họ truyền bá là được rồi, chẳng cần phải bận tâm chút nào. Tốt nhất là ít tiếp xúc ngoại cảnh, càng ít càng tốt, tâm chúng ta an định. Đương nhiên sẽ có những cư sĩ nhiệt tâm hộ trì đạo tràng nhỏ ấy, chuyện lưu thông Phật pháp để cho họ làm. Như vậy, thân tâm hoàn toàn yên định, vậy là tốt! "*Dựng pháp tràng*" chính là lập đạo tràng.

"*Lập tông chỉ*", tông chỉ là cương lĩnh và phương châm tu hành. Như pháp sư Ấn Quang đã dạy chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đấy chính là "*lập tông chỉ*". Đạo tràng này của chúng ta chuyên tu Tịnh tông, chẳng xen tạp các pháp môn khác, thuần túy là tịnh nghiệp đạo tràng. Những kinh luận được học tập ở đây chỉ là năm kinh một luận, đó là khoa mục chủ tu, không cần phải mở rộng ra bên ngoài. Nay chúng tôi kiến lập học viện tại đây, học viện đương nhiên phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cũng dùng phương pháp ấy, giải và hạnh cùng tiến. Theo lộ trình, chúng ta cũng dùng phương pháp này, thực sự làm!

Thế nhưng, trong xã hội hiện tại, mỗi cá nhân đều chăm chút cái thân của chính mình, tự tư tự lợi, thậm chí vong ân phụ nghĩa, không có tâm từ bi, không có sự lễ kính chư Phật như trong mười nguyện Phổ Hiền, không có tâm lễ kính. Nhằm báo ân thí chủ, chúng tôi cũng mở lớp Phật học ngắn hạn. Một năm bốn quý chúng tôi mở bốn lần, mỗi khóa học ngắn hạn kéo dài bảy mươi ngày, tức mười Phật thất để các đồng học chúng ta có cơ hội luyện tập giảng kinh, dạy học; đồng thời để cho các thí chủ đàn-việt hộ trì có thể trông thấy thành tích tu học của chúng ta tại nơi đây. Chúng ta phải dùng thành tích để báo đáp ân thí chủ, khiến cho họ cùng sống với chúng ta hai tháng, đến xem thành quả giải hạnh của chúng ta có đáng cho họ tiếp

tục hộ trì hay không. Nếu sau khi xem xét, họ rất không vừa ý, từ đó về sau họ không đến hộ trì nữa, như vậy là chánh xác, là đúng. Tông chỉ phải rõ ràng.

"*Giáo hóa thịnh hành*", ở đây quý vị làm tốt, chỗ khác có người phỏng theo, mong rằng đạo tràng quy mô nhỏ thực sự tu Tịnh nghiệp này các nơi đều có. Đều có những vị pháp sư hoặc là trưởng giả, cư sĩ tốt đẹp đến lãnh đạo. Số người quả thật không cần nhiều, đây mới là "*phước độ chúng sanh*". Vị Phật cuối cùng là:

Trì Pháp Phật.

持法佛。

Đây là vị Phật thứ sáu, Trì Pháp, "*biểu thị tự - tha y giáo tu hành thật chứng, Phật pháp từ đầu đến cuối coi trọng thực tiễn*". "Trì" là gìn giữ, là thọ trì. Chúng ta tiếp nhận lời giáo huấn của Như Lai, vĩnh viễn gìn giữ, y giáo phụng hành, đó là Trì Pháp. Ở đây, đức Phật làm gương cho chúng ta. Chúng ta mong mỏi hết thảy chúng sanh có duyên cùng Phật, đều có thể "*thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*". Y giáo phụng hành thì chính mình phải tự làm trước, tự mình không làm được lại mong người khác làm thì đó là chuyện không thể được! Chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức, thậm chí bậc thánh hiền, quân tử trong thế gian trong thời cổ đều là tự mình làm được rồi mới khuyên người khác, sau đó mới dạy dỗ người khác. Đó là trình tự nhất định, tự mình phải làm trước, tự mình đạt được lợi ích, bất luận tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh đều không do dự, không hoài nghi, vì sao? Tự mình làm được là đã trải qua thực chứng: Pháp môn này không sai, tôi thực sự hưởng lợi ích; khi ấy khuyên người, người ta mới tin.

Như vậy, hoằng pháp có hai giai đoạn: Trước hết, để khuyến cáo mọi người thì chính mình phải có đức hạnh, phải có tiếng tăm, rồi mới giáo hóa chúng sanh. Đến khi nào khuyên dạy trở thành chỉ dạy? Trong phần trên chúng tôi đã nói rồi, phải là Thượng Tọa mới có tư cách giáo hóa chúng sanh. Chúng tôi dùng thí dụ giảng kinh để luận về Thượng Tọa: Quý vị phải lên đài giảng kinh trọn ba mươi năm. Mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, ba mươi năm là Thượng Tọa. Nói cách khác, chưa đủ ba mươi năm thì chỉ khuyên dạy. Đủ ba mươi năm thì đại khái niên kỷ của chính mình cũng không chênh lệch mấy. Hai mươi tuổi ra giảng kinh, giảng đến ba mươi năm là năm mươi tuổi. Xưa kia, người ta thấy người như vậy bèn gọi là "lão pháp sư" vì đã năm mươi tuổi rồi, bởi thế, lúc đó có thể chỉ dạy. Đều là chính bản thân phải làm trước. Quý vị muốn dạy người khác, mà chính mình không làm, làm sao dạy được ai?

Có lần, tôi qua Đài Loan, đầu thời gian chỉ vòn vẹn năm ngày, tôi được gặp gỡ nhiều đồng tu. Có vài vị đồng tu bảo tôi: Chúng con ở nhà dạy con cái, con còn nhỏ dạy chúng đọc sách Đệ Tử Quy. Trẻ nhỏ đọc xong, hỏi cha mẹ: “Ba má chưa làm được như vậy!” Ba má chúng nó không biết nói sao, [trẻ nhỏ bắt bẻ]: “Ba má chưa làm được, sao kêu con làm?” Giáo dục thời cổ, cha mẹ thực sự làm được, kêu con học tập, con cái ngoan ngoãn học, không nghi ngờ gì. Nay khó lắm! Vì sao? Làm thân cha mẹ, lúc nhỏ không có người dạy, nay mới thấy những điều [dạy trong sách Đệ Tử Quy] tốt đẹp, muốn dạy con cái của chính mình, nhưng tự mình chưa thể làm được, tự mình không thể lấy thân mình làm gương, giáo dục gia đình thật chẳng dễ! Muốn dạy con cái phải lấy chính thân mình làm gương. Trường học cũng thế, thầy dạy học trò, thầy phải lấy chính thân mình làm gương thì mới dạy tốt được. Nếu chính mình chẳng thể làm gương, làm sao dạy học sinh cho được?

Cùng một đạo lý đó, người lãnh đạo quốc gia, xã hội, nếu chẳng thể dùng thân mình làm gương, làm sao quý vị giáo hóa toàn dân trong nước? Làm sao giáo hóa dân trong cả một thành phố? Quý vị làm thị trưởng, tức là làm vua, làm cha mẹ, làm thầy! Quý vị phải là tấm gương tốt nhất cho đô thị, cho khu vực, cho quốc gia ấy. Trước kia, quả thật là như vậy. Nếu quý vị là người lãnh đạo một nước mà vua không ra vua (vua là người lãnh đạo một nước), chẳng giống như một người lãnh đạo quốc gia, nhân dân sẽ bị khổ. Nhân dân bị khổ sẽ không cam lòng, sẽ lật đổ chánh quyền, sẽ làm cách mạng.

Do vậy, trước kia, khi giảng kinh ở Tân Gia Ba, lúc ấy tôi vẫn chưa ở lâu dài tại Tân Gia Ba, mỗi năm qua đó một tháng, giảng kinh một tháng. Pháp sư Diển Bồi đối với tôi hết sức tốt, có lần Ngài mời tôi dùng cơm tại đạo tràng của Ngài, hỏi tôi một câu:

- Pháp sư Tịnh Không ! Ông tán thành quân chủ hay tán thành dân chủ?

Tôi thưa:

- Tôi tán thành quân chủ.

Ngài hỏi:

- Tại sao?

Tôi nói:

- Quân chủ tốt hơn dân chủ.

Ngài nói:

- Đầu óc ông cổ hủ quá, không hợp thời!

Tôi nói:

- Tôi không bận tâm hợp thời hay không hợp thời, tôi chỉ dùng sự luận sự: Điểm tốt của quân chủ là gì? Đế vương muốn đời này truyền cho đời kia, muốn con cháu đều làm hoàng đế, điều ấy đầu là có lòng riêng tư,

nhưng chỉ cần đối xử tốt với nhân dân là được rồi! Vì thế, vua phải bồi dưỡng những người kế vị đất nước, thực sự dụng tâm! Mời những vị học giả đức cao trọng vọng bậc nhất trong toàn quốc, phẩm đức, học vấn, tài nghệ đều bậc nhất làm thầy dạy thái tử, vương tử. Đây đều là những người thừa kế quốc gia xã hội trong tương lai, bọn họ phải hưởng sự giáo dục tốt nhất. Bởi thế, khi họ nối ngôi chẳng đến nỗi đại loạn vì nhận sự giáo dục của thánh hiền, đọc sách hiểu lý! Nếu họ không tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, không tuân thủ pháp tắc tổ tông đã lập, [tuân theo] điển chế và pháp lệnh do tổ tông đã lập, họ muốn phá hoại, không tuân thủ sẽ khó thể giữ nổi chánh quyền, sẽ bị người khác nổi lên lật đổ, thay đổi triều đại. Vì thế, kẻ làm đế vương chẳng thể không lo lắng, dè dặt thì mới hòng giữ được ngôi.

Những hoàng đế cuối cùng, nói trắng ra, là kẻ trái nghịch lời thầy giáo huấn, trái nghịch lời cha mẹ răn dạy. Đến khi họ nắm quyền, làm xằng, làm bậy, tham cầu hưởng thụ, mặc kệ nhân dân sống chết, lập tức bị người ta lật đổ! Chúng ta có thể thấy những chuyện này từ lịch sử Trung Quốc. Còn những người lãnh đạo do dân bầu lên có phải là người được hưởng sự giáo dục tối hảo hay không, rất khó nói! Họ có phải là người có trách nhiệm, thực sự thương yêu trăm họ, quan tâm trăm họ, vì trăm họ giải trừ khổ nạn, khiến cho trăm họ được thực sự hưởng hạnh phúc mỹ mãn, rất khó xác định! Vì sao? Nhiệm kỳ hữu hạn, nói thật ra, cảm giác trách nhiệm không bằng đế vương.

Quý vị hãy khéo chú tâm, chú ý quan sát, thể hội: Dẫu chế độ quân chủ có khuyết điểm, nhưng so với chế độ dân chủ thì ít khuyết điểm hơn. Nói trên phương diện giáo dục, thời đại quân chủ hết sức coi trọng giáo dục. Rất nhiều chế độ hết sức tốt, ngăn ngừa những cái nhỏ nhặt, chấm dứt những cái sẽ lần lần xảy ra. Quý vị thấy trong lịch sử Trung Quốc, bậc đế vương thực sự có trách nhiệm rất nhiều, kẻ không trách nhiệm cực ít. Ai vậy? Những vua chúa cuối trào. Những vua chúa mất nước là kẻ vô trách nhiệm, bởi thế, họ bị kẻ khác diệt trừ rất nhanh. Quý vị phải nhìn vào những vị vua mở nước, đừng nhìn vào những vua cuối trào; nhìn vào những vị vua khai quốc, nhìn vào những thời kỳ triều đại cường thịnh, sẽ thấy khác hẳn.

Tu học, giáo học Phật pháp, từ đầu đến cuối coi trọng thực tiễn nhất; bởi thế, Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức. Hình thức là nhằm để giáo hóa chúng sanh, đương nhiên cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng nhất lại chính là thực chất. Nếu quý vị không thật tu, chỉ tu hình thức thì hình thức chẳng thể lợi ích xã hội, chẳng thể lợi ích chúng sanh, nhất định phải chân tu! Chân tu chính là phải y giáo phụng hành! Trong những khóa giảng, chúng tôi thường khuyến khích, cổ vũ các đồng học: Người chân tu phải buông xuống những thành kiến của chính mình, buông

xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, phải tùy thuận những điều được giảng dạy trong kinh luận. Kinh luận chính là giáo huấn của Phật, Bồ Tát, phải hoàn toàn thực hiện những giáo huấn trong kinh luận, biến chúng thành hành vi sinh hoạt của chính mình trong thực tế, đó gọi là chân tu!

Vừa khởi lên một ý niệm, phải nghĩ trong kinh giáo đức Phật có chấp thuận ý niệm ấy hay không. Ý niệm được Phật hứa khả chắc chắn là thiện niệm, nhất định lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, ý niệm ấy tốt. Nếu đức Phật không hứa khả thì ý niệm ấy nhất định là tự tư, tự lợi, nhất định là tổn người, lợi mình. Chẳng được khởi ý niệm "tổn người, lợi mình", vì đó là tạo nghiệp. Thực sự dốc công phu nơi khởi tâm động niệm, đó là tu từ căn bản. Ngôn ngữ, tạo tác thời thời khắc khắc đều phải nghĩ đến những gì kinh luận đã giáo huấn. Vì sao phải dạy quý vị thực hiện khóa sáng và khóa tối?

Về thực chất, dụng ý của khóa sáng là nhằm cảnh tỉnh chính mình, ngày hôm nay mình phải tuân thủ lời Phật, Bồ Tát giáo huấn, không được trái nghịch. Khóa tối để phản tỉnh, lúc ấy phải nghiêm túc phản tỉnh những tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của chính mình trong ngày hôm nay có trái nghịch giáo huấn của Phật, Bồ Tát hay không? Hễ có trái nghịch phải gấp sám hối, phải sửa lỗi, ngày mai chẳng dám trái phạm nữa. Những tư tưởng, hành vi hoàn toàn tương ứng giáo huấn của Phật, Bồ Tát thì ngày mai phải tiếp tục giữ gìn, đừng để mất đi. Đó là thực sự thực hiện công khóa sáng tối, đây mới là chân chánh tu hành! Khóa tụng sáng tối không phải là hình thức, đọc cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát không cần nghe! Chính là niệm cho tự mình nghe đây! Phải hiểu đạo lý mà Trì Pháp Phật đã dạy cho chúng ta ở đây. Lại xem tiếp thượng phương Phật, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật.

舍利弗。上方世界有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大燄肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật).

Ở phương trên, đức Thế Tôn nêu tên mười vị Phật. Trong phần trên, ở phương Tây chúng ta thấy kể tên bảy vị Phật, con số Bảy biểu thị viên mãn, con số Mười cũng biểu thị sự viên mãn; kinh Hoa Nghiêm dùng số Mười để biểu pháp. Ở chỗ này, trong bút ký^{5[5]} ghi: "*Phương trên nêu đại lược mười danh hiệu Phật, biểu thị giác hạnh viên mãn, một đời thành Phật*". Mọi thứ đều biểu thị pháp môn này. Đoạn kinh văn này có ý nghĩa rất sâu, nhà Phật gọi là "*mật nghĩa*". Mật ở đây không phải là bí mật, mà có nghĩa là ý nghĩa sâu kín, rất sâu. Những đồng học chúng ta học Đại Thừa hãy nên thấu hiểu! Ý nghĩa ấy thực sự rất rõ ràng giống như kinh Hoa Nghiêm vậy, chẳng khác gì cả! Nhằm biểu thị ý nghĩa ấy! Nếu quý vị chú tâm quan sát danh hiệu mười vị Phật này, thấu hiểu những danh hiệu ấy thì ý nghĩa của những danh hiệu ấy lại càng rành rành.

Chúng ta hãy xem vị Phật đầu tiên, Phạm Âm Phật. "*Phạm*" (梵) nghĩa là thanh tịnh, "*Âm*" là âm thanh. Đây chính là chư Phật thị hiện giáo hóa chúng sanh trong thế giới Sa Bà này. Chúng sanh trong thế giới Sa Bà căn tai nhay bén nhất. Văn Thủ Bồ Tát vì chúng ta chọn lựa pháp viên thông, [đã nói]: "*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*" (Giáo thể thực sự của phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Giúp đỡ hết thảy chúng sanh bằng phương cách nào? Bằng dạy dỗ, bằng thuyết pháp. Âm thanh ấy là âm thanh thanh tịnh, từ chỗ nào mà thấy là thanh tịnh? "*Xả Tứ Tướng, Tứ Kiến, thuyết pháp thanh tịnh, không nhiễm trước*". Đây là chân chánh phát tâm giống như chư Phật, Bồ Tát, đến trong thế giới này, thừa nguyện tái lai. Lúc chúng ta đến đây là phàm phu, mê hoặc, điên đảo, nhưng sau hai mươi, ba mươi năm học tập, un đúc, cũng có thể chuyển phàm thành thánh.

Người thượng căn thì mười năm là chuyển được, chuyển phàm thành thánh, thực sự làm được! Bắt đầu từ đâu? Kinh Kim Cang dạy: Phá Tứ Tướng, phá Tứ Kiến. Tứ Tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tứ Kiến chính là điều được nửa phần sau kinh Kim Cang nói đến, tức Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến. Vì thế, chúng tôi thường khuyên lớn đồng học: Chúng ta tu hành phải dốc công nơi đâu? Phá Tứ Tướng! Phá Tứ Tướng bằng cách nào? Buông tự tư tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, đó chính là phương pháp thực tế để phá Tứ Tướng. Trong sinh hoạt thường nhật hằng ngày phải làm như vậy, nghiêm túc thực hiện, người căn tánh thượng đẳng thì mười năm sẽ chuyển phàm thành thánh. Vì sao? Tứ Tướng, Tứ Kiến đã phá rồi, trong Đại Thừa, quý vị tối thiểu là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín của Viên Giáo; trong

5[5] Bút ký ở đây chính là cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo của hòa thượng Tịnh Không.

Tiểu Thừa phải là quả Tu Đà Hoàn, thực sự thành tựu. Đó là bậc thượng căn. Trung căn thì hai mươi năm, hạ căn ba mươi năm sẽ chuyển phàm thành thánh.

Lúc ấy, quý vị thuyết pháp đương nhiên thanh tịnh, vô ngã mà! Khởi tâm động niệm đều vì hết thảy chúng sanh, họ được lợi ích chứ không phải mình lợi ích, niệm niệm xả kỷ vì người khác, không nhiễm trước mảy may. Nhiễm trước là gì? Tự tư tự lợi là nhiễm trước, [nếu thấy] chúng ta có chỗ nào tốt đẹp hả? Nhiễm trước mất rồi! Không có ta đâu nhé!

Bởi thế, lúc chúng ta đến đây, tức lúc chúng ta đến đầu thai trong thế giới này là do nghiệp lực mà đến. Học Phật rồi sẽ chuyển nghiệp lực thành nguyện lực. Cái thân nghiệp lực đã chết, cái thân hiện tại là thân nguyện lực. Thân nguyện lực [của chúng ta] không khác gì chư Phật, Bồ Tát thừa nguyện tái lai. Nay sống trong thế gian này là vì hết thảy chúng sanh khổ nạn, chẳng phải vì tự mình. Nếu vì mình thì sẽ vãng sanh bất cứ lúc nào, chuyện của chính mình đã làm xong rồi. Kinh luận thường nói: "*Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu*" (Việc làm đã xong, không còn phải chịu lấy thân sau), "*bất thọ hậu hữu*" là vĩnh viễn không bị đọa trong luân hồi, công việc của chính mình đã giải quyết ổn thỏa. Thân thể này vẫn trụ trong thế gian để làm gì? Há chẳng phải rất bất tịnh, rất kém minh bạch ư? Vì chúng sanh, vì Phật pháp, vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì rộng độ chúng sanh, vì những lẽ như vậy chứ nào phải vì chính mình; thực sự chuyển được rồi! Hể còn tự tư tự lợi là chưa chuyển được. Phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch điều này. Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 33

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp danh hiệu của vị Phật thứ hai trong mười đức Phật ở thượng phương thế giới.

Tú Vương Phật.

宿王佛。

"*Biểu thị pháp của Đại Thừa Bồ Tát là đường tắt vô thượng đạo*". Tú (宿) là tinh tú, "*tú vương*" (vua của các tinh tú) nghĩa là tinh tú lớn nhất trong các ngôi sao. Đấy đều là y theo pháp thế gian để luận, hoàn toàn là dựa trên điều mắt chúng ta thấy được, theo cảm quan chúng ta thì nó lớn nhất. Lớn nhất trong những ngôi sao trên trời là mặt trăng (theo con mắt chúng ta nhìn), không ngôi sao nào lớn bằng mặt trăng cả! Trên thực tế,

mặt trăng có phải là ngôi sao lớn nhất hay không? Chuyện ấy chúng tôi không bàn đến, chỉ nói theo cảm quan của chúng ta mà thôi. Nay chúng ta ngẩng đầu nhìn hư không, thấy mặt trăng lớn nhất. Điều đó tượng trưng cho Đại Thừa Bồ Tát đạo, Đại Thừa Bồ Tát đạo cũng thù thắng bất đồng. Đương nhiên, Đại Thừa nhất định phải vượt trội Tiểu Thừa. Nếu so trong các pháp Đại Thừa thì sẽ có pháp là đường tắt, dễ dàng thành tựu. Do đó, nói pháp môn có khó, dễ. Đường tắt là đường gần. Tiểu Thừa xa xôi, quanh co, chẳng thể thành Vô Thượng Bồ Đề. So giữa Tiểu Thừa với Đại Thừa thì Đại Thừa là đường gần; Tiểu Thừa giống các ngôi sao, Đại Thừa giống mặt trăng, quang minh đương nhiên sáng hơn nhiều, dùng ý nghĩa đó.

Thế nhưng chúng ta nhất định phải hiểu: Cả mười Phật hiệu này đều biểu thị Phật pháp viên mãn. Quý vị thấy đó, đức Phật đầu tiên là Phạm Âm Phật; nói cách khác, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, âm thanh thuyết pháp đều là phạm âm. Vì sao? Tiểu Thừa Sơ Quả phá Tứ Tướng, không chấp tướng nữa; nói cách khác, vô ngã, không vì mình là sự chứng đắc của Sơ Quả. Đây là nhập vào hàng thánh nhân, dự vào dòng Thánh, không còn là phàm phu nữa. Nói cách khác, phàm phu chẳng rời khỏi tự tư tự lợi, vẫn chưa quên Ngã! Niệm niệm đều là niệm tham chấp, không quên Ngã được! Tiểu Thừa Sơ Quả đã quên Ngã, vô ngã, là bậc thánh nhân, phàm và thánh sai biệt ở chỗ này. Nói cách khác, "hữu ngã" là phàm phu, "vô ngã" là thánh nhân, phân biệt đơn giản như vậy. Phàm và thánh sai khác ở chỗ này!

Lục đạo phàm phu lên đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, chưa phá Tứ Tướng; bởi thế, chẳng thể sánh bằng Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín của Viên Giáo mới thực sự thanh tịnh, không nhiễm trước. Đây chính là căn bản của việc học tập Phật pháp. Phạm Âm Phật tượng trưng cho sự tự hành hóa tha, không gì chẳng thanh tịnh, không nhiễm trước. Tú Vương Phật tượng trưng cho Đại Thừa, Đại Thừa là đường tắt vô thượng đạo, là con đường gần. Phật hiệu thứ ba là:

Hương Thượng Phật.

香上佛。

"*Biểu thị hạnh pháp mà Lục Tổ Thiên Tông đã dạy trong chương Truyền Hương Sám Hối, là đường tắt nhất trong các đường tắt*". Vì sao dùng chữ Hương Thượng? Trong Lục Tổ Đàn Kinh có phẩm Truyền Hương Sám Hối, hương được giảng trong phẩm ấy là Ngũ Phần Pháp Thân Hương: Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương, và Giải Thoát Tri Kiến Hương, năm phần Pháp Thân Hương. Như vậy, Hương Thượng Phật tượng

trưng cho Thiền Tông. Trong Đại Thừa, Thiền Tông lại là đường tắt của Đại Thừa, cho nên là "đường tắt nhất trong các đường tắt". Đường đã gần lại còn có đường gần hơn! Nói cách khác, chọn lựa pháp môn cho chúng ta, pháp môn nào tốt? Đại Thừa hay hơn Tiểu Thừa, nhưng Thiền Tông lại thù thắng nhất trong Đại Thừa. Xin xem tiếp vị Phật thứ tư:

Hương Quang Phật.

香光佛。

"*Biểu thị pháp môn Niệm Phật của Tịnh Tông*". Vì sao nói Hương Quang đại diện cho pháp môn này? Trong kinh Lăng Nghiêm có nói Hương Quang Trang Nghiêm; vì thế, khi thấy hai chữ Hương Quang, quý vị phải biết nó tượng trưng cho Tịnh Độ Tông. Chúng tôi thấy cũng có lúc các chùa miếu dùng chữ Hương Quang làm tên, như Hương Quang Tự, Hương Quang Đường, Hương Quang Thất, Hương Quang Trang Nghiêm. Chỉ cần thấy chữ Hương Quang thì nơi ấy nhất định phải tu Tịnh Độ. Đó là từ kinh Lăng Nghiêm mà có, tu Tịnh Độ [thì dùng chữ ấy vậy]. "*Kinh Lăng Nghiêm nói Hương Quang Trang Nghiêm là đường càng tắt hơn nữa trong những con đường tắt nhất*". Thiền Tông là đường tắt nhất trong các đường tắt, Tịnh Độ lại là con đường tắt hơn con đường tắt nhất ấy. Nói cách khác, nó là con đường gần nhất trong những con đường rất gần, thẳng chóng nhất, ổn thỏa nhất, thích đáng nhất, dễ dàng nhất, đơn giản nhất; thành tựu lại thù thắng khôn sánh. Bởi thế, pháp môn Tịnh Độ cũng gọi là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các đường tắt, ý nghĩa là ở chỗ này.

Quý vị thấy ở đây, danh hiệu Phật nhằm ngầm dạy chúng ta chọn lựa như thế nào. Ba danh hiệu Phật này rất có ý vị, chúng ta phải chọn lựa pháp môn nào? Chọn pháp Đại Thừa, Thiền Tông hay Tịnh Tông? Thiền Tông khó hơn Tịnh Độ. Cổ đức nói pháp môn Tịnh Độ "*vạn tu, vạn nhân khứ*" (vạn người tu, vạn người về); chẳng sót một ai. Thế nhưng tu học pháp môn này nhất định phải hiểu đạo lý, phương pháp, cảnh giới; kinh điển Tịnh Tông chỉ nhằm giảng giải ba chuyện trên. Chúng ta hiểu đạo lý Tịnh Độ, biết phương pháp tu học Tịnh Độ, biết cảnh giới quả báo Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, rõ ràng, rành rẽ, chẳng tu mù, luyện đui. Lại xem tiếp vị Phật thứ năm:

Đại Diệm Kiên Phật.

大燄肩佛。

Ở phần trên, chúng ta đã thấy có Diệm Kiên Phật, ở đây là Đại Diệm Kiên Phật. Vị Phật này biểu thị ý nghĩa: "Trao pháp tối thượng một đời thành Phật cho con người". Chúng ta muốn giúp đỡ người khác, chẳng được tiểc pháp, phải giới thiệu pháp môn vô thượng cho người khác, khiến họ trong một đời này sẽ thành tựu viên mãn Phật Quả. "Do vậy, tổ sư của Tịnh Tông được tôn xưng là đại sư". Danh xưng "đại sư" dùng để tôn xưng đức Phật, trong nhà Phật chỉ có chư Phật Như Lai mới được xưng là "đại sư". Quý vị thấy Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, ta gọi Quán Âm Bồ Tát là Quán Âm đại sĩ, không gọi là đại sư, vì sao? Ngài không phải là Phật, chẳng thể không hiểu điều này.

Chúng ta là phàm phu, là hạng xuất gia tầm thường, nếu xưng "đại sư" là hết sức quá phận. Người khác gọi mình là đại sư còn tạm chấp nhận được, chứ chính mình quyết định chẳng được tự xưng, không có lẽ ấy đâu! Tổ sư Tịnh Tông cũng chẳng tự xưng là đại sư, mà do hậu nhân xưng tụng. Lúc các Ngài còn tại thế, như Ấn Quang đại sư lúc còn sống, quý vị thấy những bộ Văn Sao được lưu thông trước kia nhằm lúc tổ sư còn sống, mang tựa đề Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không phải là đại sư mà là Pháp Sư Văn Sao. Sau khi lão nhân gia viên tịch, vãng sanh rồi, hậu nhân tôn Ngài làm vị Tổ thứ mười ba của Tịnh Tông, nên mới gọi là đại sư. Lúc Ngài còn sống, không ai gọi Ngài là đại sư cả; tự Ngài cũng chẳng dám xưng là đại sư, do hậu nhân xưng tụng mà thôi!

Trong lịch sử, mọi người gọi các vị tổ sư Tịnh Độ Tông là đại sư, vì sao? Là do pháp môn này. Các vị dùng pháp môn này tiếp dẫn chúng sanh, sánh với chư Phật Như Lai không hai, không khác. Chư Phật Như Lai dùng phương pháp nào để chỉ dạy chúng sanh thành Phật ngay trong một đời, thành vô thượng đạo? Chính là phương pháp này. Nay các vị pháp sư trong Tịnh Tông cũng dùng phương pháp này, không khác gì phương pháp chư Phật Như Lai đã dùng, do vậy, được xưng tụng là đại sư. Tổ sư Tông Hoa Nghiêm chẳng xưng là đại sư, tổ sư tông Thiên Thai cũng chẳng xưng là đại sư. Thời cổ làm thầy của hoàng đế cũng không xưng là đại sư, mà xưng là "quốc sư". Tổ sư các tông phái thì gọi là tổ sư, không gọi là đại sư, mà là tổ sư đời thứ mấy. Thanh Lương đại sư là do hậu nhân chúng ta tôn xưng; Ngài là tổ sư đời thứ tư của tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), ngài Tông Mật là tổ sư đời thứ năm, nên [hai Ngài được] gọi là Tứ Tổ, Ngũ Tổ, không gọi là đại sư. Chỉ mình [tổ sư của] Tịnh Độ Tông xưng là đại sư. Từ chỗ này chúng ta hiểu rõ: Pháp môn Tịnh Độ thù thắng, không khác gì chư Phật đích thân dạy dỗ, thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Đó là Đại Diệm Kiên Phật. Xin xem tiếp vị Phật thứ sáu:

Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật.

雜色寶華嚴身佛。

Danh hiệu vị Phật này tượng trưng cho kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Tựa đề của kinh Hoa Nghiêm nếu dịch thẳng từ tiếng Phạn là *Đại Phương Quảng Phật Đà Tạt Hoa Trang Nghiêm Kinh*, dịch từng chữ là như vậy. Người Hoa thích đơn giản, bỏ bớt chữ Đà trong Phật Đà, bỏ bớt chữ Tạt trong Tạt Hoa, tỉnh lược chữ Trang trong Trang Nghiêm; vì thế dịch *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Quý vị thấy Tạt Sắc Bảo Hoa Trang Nghiêm Phật có phải là biểu thị Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hay không?

Đức Phật này "*biểu thị một đời viên mãn, chỉ có kinh Hoa Nghiêm giảng tường tận, nhất là nó chứng thực pháp môn Niệm Phật là chỗ quy hướng rất ráo, phải nên suy nghĩ sâu xa, hãy nên lấy Thiện Tài làm thầy*". Đây là lấy một bộ kinh lớn để làm chứng, một đời viên mãn thành Phật thì Thiện Tài đồng tử là đại diện, có thể nói Ngài nổi tiếng nhất trong nhà Phật. Thiện Tài đồng tử không sanh lần thứ hai, một đời thành tựu, một đời viên mãn, "*nhất là kinh Hoa Nghiêm chứng thực pháp môn Niệm Phật là chỗ quy hướng rất ráo*", dùng kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Kinh Hoa Nghiêm dạy một đời chứng đắc viên mãn rất ráo như thế nào? Bằng pháp môn Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử sau khi đắc Căn Bản Trí – quý vị phải hiểu rõ: Đắc Căn Bản Trí, nhà Thiền gọi là "đại triệt đại ngộ", minh tâm kiến tánh là đắc Căn Bản Trí. Sau khi đắc Căn Bản Trí, vị thầy dạy Thiện Tài đồng tử ra ngoài tham học. Tham học nhằm ý gì? Tham học để thành tựu Hậu Đắc Trí, nhằm thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Năm mươi ba lần tham học là vì vậy đó!

Vị thiện tri thức tham phỏng đầu tiên rất quan trọng, pháp thế gian hay xuất thế gian đều theo ý nghĩa này, tức là "*tiên nhập vi chủ*" (pháp nào theo học đầu tiên thì pháp ấy là chánh yếu), vị thầy đầu tiên hết sức quan trọng! Theo bản Bát Thập Hoa Nghiêm, vị thầy đầu tiên là tỳ-kheo Đức Vân, bản Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là tỳ-kheo Cát Tường Vân. Cát Tường Vân và Đức Vân là một người, Cát Tường chính là Đức, [kinh được] hai người phiên dịch nên [danh hiệu của vị thiện tri thức này được] dịch khác nhau, nguyên bản là một. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn nào? Ngài tu cái pháp nay chúng ta gọi là Ban Châu Tam Muội. Ban Châu Tam Muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài tu pháp môn ấy, Thiện Tài đồng tử đến tham học với Ngài, hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn vì Thiện Tài giảng hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Hai mươi một không phải là con số, chúng ta phải hiểu hai mươi một theo ý nghĩa biểu thị pháp trong Mật Tông,

hai mươi một tượng trưng cho viên mãn. Hoa Nghiêm là căn bản của toàn bộ Phật pháp, nhà Phật gọi là "*căn bản pháp luân*". Nói theo thuật ngữ của người hiện thời thì gọi là "Phật học khái luận". Hết thầy những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm chẳng ra ngoài kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm bao gồm toàn bộ căn bản Phật pháp, bởi thế, nó được gọi là "*pháp luân viên mãn*".

Ngài Cát Tường Vân thị hiện pháp môn Niệm Phật này chẳng thể nghĩ bàn! Thiện Tài học được pháp này. Chúng ta hãy chú tâm quan sát kỹ, thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đều tu pháp môn Niệm Phật, kinh Hoa Nghiêm đã chứng thực rõ ràng như vậy. Đến vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, tức vị thiện tri thức thứ năm mươi ba (tỳ-kheo Cát Tường Vân là vị thứ nhất, Phổ Hiền Bồ Tát là vị thiện tri thức cuối cùng), Phổ Hiền Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử "*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*". [Từ sự kiện toàn bộ quá trình tham học] mở đầu dạy pháp môn niệm Phật, tối hậu "*dẫn về Cực Lạc*", chúng ta hoàn toàn hiểu rõ: Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Pháp môn Niệm Phật. Từ đầu đến cuối đều tu pháp môn Niệm Phật. Quý vị thấy trong khi tham phỏng, có thể nói pháp môn nào Ngài cũng tiếp xúc, cũng thông đạt, nhưng tự mình vẫn tu pháp môn Niệm Phật, nhất định chẳng bị ảnh hưởng, nhất định chẳng thay đổi. Năm mươi ba lần tham học bao hàm ý nghĩa ấy. Nếu không hiểu điều này thì năm mươi ba lần tham học coi như trắng tay.

Cứ mỗi lần tham phỏng một vị thiện tri thức thì trong khoa phán của Thanh Lương đại sư, Ngài phán định phần cuối của mỗi đoạn kinh văn ấy là "*luyện đức lễ từ*" (luyện mộ đức hạnh, lễ kính, tạ từ). Nên hiểu bốn chữ ấy như thế nào? "*Luyện đức*" là cảm tạ thiện tri thức dạy dỗ, thiện tri thức vì con diễn nói khiến cho con hiểu rõ ràng mọi điều. "*Lễ từ*" có nghĩa là gì? Lễ là cung cung kính kính, "*từ*" là không học pháp môn ấy, vẫn chỉ học pháp Niệm Phật của chính mình. Con rất cảm kích, Ngài dạy con, con đều hiểu rõ, thấu hiểu nên trí huệ mở mang. "*Lễ từ*" là như như bất động, tự mình thường trụ trong Niệm Phật tam-muội thì mới một đời thành tựu được! Một đời thành tựu phải nhờ vào "*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*". Điều này chứng thực pháp môn Niệm Phật là rất ráo chỉ quy.

Vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ Tông là ai? Phổ Hiền Bồ Tát là vị tổ sư thứ nhất. Trong hội Hoa Nghiêm "*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*", quý vị nói Ngài không phải là vị tổ sư thứ nhất thì ai là tổ sư đời thứ nhất? Thế nhưng chúng tôi đọc cuốn Tịnh Tu Tiệp Yếu của lão cư sĩ Hạ Liên Cư thấy Ngài viết như thế này: "*Tịnh Tông Sơ Tổ Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát*"; câu này quả thật lay tỉnh tôi. Không sai! Trong hội Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát là người chuyên tu Tịnh Độ sớm nhất. Như vậy, Đại Thế

Chí Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ, là pháp giới tổ sư; trọn khắp pháp giới hư không giới, Đại Thế Chí Bồ Tát là người tu Tịnh Độ đầu tiên, là Sơ Tổ của trọn khắp pháp giới. Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, kinh giảng đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm, trong hội thứ nhất, Phổ Hiền Bồ Tát "*dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*". Vì vậy, Ngài là Sơ Tổ của thế giới Sa Bà.

Sơ Tổ Tịnh Tông Trung Quốc là Huệ Viễn đại sư. Vào thời đại Đông Tấn, ngài dựng liên xã tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, tập hợp những người chí đồng đạo hợp gồm một trăm hai mươi ba người chuyên tu Tịnh nghiệp. Do chuyên tu tịnh nghiệp tại Lô Sơn, Ngài trở thành người khởi phát Tịnh Tông đầu tiên tại Trung Quốc, nên ta gọi Ngài là Sơ Tổ. Vì vậy khi nói đến Sơ Tổ, chúng ta phải hỏi vị Tổ Sư nào? Sơ Tổ của thế giới Sa Bà hay Sơ Tổ cả pháp giới hay là Sơ Tổ của Trung Quốc? Trước kia, chúng tôi ở Mỹ, cũng đến các nơi thành lập Tịnh Tông Học Hội. Trước kia, ở Mỹ Quốc và Gia Nã Đại có hơn hai mươi Tịnh Tông Học Hội, nay tôi không biết còn được bao nhiêu. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trêu: "Pháp sư Tịnh Không! Ông là Sơ Tổ của Tịnh Tông Mỹ Quốc". Như vậy, Sơ Tổ tùy thuộc địa phương nào, khu vực nào, ai là người đầu tiên để xưng niệm Phật.

Cuối cùng là "*phải nên suy nghĩ sâu xa*". Chúng ta phải nghĩ cho chín, pháp môn rất nhiều, tám vạn bốn ngàn vô lượng pháp môn, chúng ta tuyển chọn như thế nào? Học theo Thiện Tài, "*lấy Thiện Tài làm thầy là được*". Thiện Tài chọn pháp môn Niệm Phật, trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Ngài thành công, Ngài thực sự vãng sanh. Vị Phật thứ bảy là:

Sa La Thụ Vương Phật.

娑羅樹王佛。

"*Biểu thị viên chứng kiên cố rất ráo, làm đại pháp vương, Mật - Tịnh bất nhị*". Sa La Thụ Vương Phật tượng trưng cho Mật Tông, Mật Pháp gọi là "rất ráo kiên cố". Bởi thế, vị Phật này biểu thị sự chứng đắc Mật pháp kiên cố rất ráo, là đại pháp vương, hiển thị Mật và Tịnh bất nhị. Ấy là vì Đại Thừa Phật pháp ở Trung Quốc được chia thành tám tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông phái, nên Phật giáo Trung Quốc có tất cả mười tông phái. Trong mười tông phái này, bất luận tu học pháp môn nào, kết cuộc chỉ là ba môn, tức ba môn Giác, Chánh, Tịnh. Như Tánh Tông, Thiền Tông thuộc về Giác Môn: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Mọi tông của Giáo Hạ thuộc về Chánh Môn: Chánh tri, chánh kiến. Tịnh Tông và Mật Tông thuộc vào Tịnh Môn: Tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Do vậy, Mật và Tịnh thuộc cùng một loại, dấu cùng một loại nhưng Mật khó, Tịnh dễ, rất dễ dàng phân biệt khó - dễ!

Tịnh Độ Tông giảng thân tâm thanh tịnh, xa lìa ô nhiễm, giữ gìn thanh tịnh, vậy là còn dễ! Thanh tịnh trong Mật Tông còn thù thắng hơn Tịnh Tông, vì sao? Chẳng lìa nhiễm ô, ở trong nhiễm nhưng chẳng nhiễm, cao lắm! Đương nhiên là khó! Vì thế, Mật Tông chẳng dễ gì thành tựu, nhưng đều là tu tâm thanh tịnh. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là bậc kim cương a-xà-lê trong Mật Tông, chúng ta thường gọi [kim cương a-xà-lê] là Thượng Sư^{6[6]}. Lão nhân gia tối hậu niệm Phật vắng sanh, chẳng dùng đến Mật pháp. Trong thời gian tối hậu, mỗi ngày Ngài niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu cầu sanh Tịnh Độ. Cụ Hoàng bảo tôi (lúc tôi sang Bắc Kinh thăm cụ, cụ bảo tôi), hơn bốn mươi năm sau ngày Trung Quốc được “giải phóng”^{7[7]} (lúc ấy vẫn chưa đến năm mươi năm, mới hơn bốn mươi năm), Trung Quốc có mười ba ức người [học Mật Tông], người học Mật Tông trong hơn bốn mươi năm ấy nhiều dường ấy, có bao nhiêu người thành tựu? Cụ bảo tôi chỉ có sáu người! Rồi lại bảo tôi: “*Từ rày về sau, học Mật Tông chẳng thể thành tựu, chỉ có cách tu Tịnh Độ*”. Trong ô nhiễm không bị ô nhiễm, công phu ấy cao lắm! Có mấy ai có thể thành tựu?

Tu học trong Mật Tông chẳng lìa ngũ dục, lục trần, ngày ngày ở trong ngũ dục, lục trần, chẳng bị tiêm nhiễm mảy may, phải có bản lãnh ấy, phải có công phu ấy. Không như Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Tông tách lìa ngũ dục, lục trần, tu tâm thanh tịnh. Bởi thế, luận về đẳng cấp, Mật Tông là thanh tịnh thượng thừa, thượng thượng thừa. Chúng ta tu Tịnh Độ Tông tâm địa thanh tịnh là trung hạ, trung hạ thừa, chẳng bằng Mật Tông. Vì thế, chúng ta phải tôn kính Mật pháp, tự biết chính mình không có năng lực tu học, nên cứ tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi gặp A Di Đà Phật, phương pháp tu hành, cảnh giới của chúng ta sẽ được nâng cao, như vậy là chính xác, không sai một chút nào. Vì sao Tịnh - Mật bất nhị? Vì đều là tu tâm thanh tịnh.

Ba vị Phật kể đó tương ứng với ba vị ở phương Đông. Trong sáu phương Phật, trước hết chúng ta thấy tại phương Đông có các vị Phật tượng trưng cho pháp, biểu thị ba thân: “*A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật*”; trong đây chúng ta thấy đều dùng chữ Tu Di: Tu Di Tướng, Đại Tu Di, Tu Di Quang là vì sao? Đây chính là điều người học

6[6] Thượng Sư là dịch nghĩa chữ Guru trong tiếng Phạn. Đôi khi còn dịch là Đạo Sư, Đại Sĩ. Chữ Guru ban đầu chỉ có nghĩa là bậc thầy, chuyên gia đây kinh nghiệm về một lãnh vực nào đó. Trong Ấn Độ Giáo và đạo Sikh, chữ Guru thường được chỉ những bậc hành giả đạt kinh nghiệm tâm linh cao, thực chứng. Riêng trong Phật giáo Tây Tạng, chữ Guru Rinpoche chỉ dành riêng để gọi Liên Hoa Sanh đại sĩ (Padmasambhava), sáng tỏ Phật giáo Tây Tạng.

7[7] Chữ “giải phóng” ở đây chỉ thời điểm Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, tức là khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Hoa Lục, chánh phủ Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập ngày Mồng Một tháng Mười năm 1949. Như vậy, hòa thượng Tịnh Không sang thăm cụ Hoàng là vào năm 1989.

Phật chúng ta mong cầu. Phải chứng đắc Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân; ấy là Phật Quả rốt ráo. Đến phương trên, chúng ta trông thấy:

Bảo Hoa Đức Phật.

寶華德佛。

"*Biểu thị Báo Thân viên mãn*". Báo Thân viên mãn là thân trí huệ viên mãn, tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ hiện tiền.

Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật.

見一切義佛。

"*Biểu thị ngàn trăm ức hóa thân, ngũ nhãn viên minh, ứng khắp các căn cơ*". Đây là Ứng Hóa Thân, ngàn trăm ức Hóa Thân! Trong chín pháp giới, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Cảm ứng đạo giao quyết định chẳng sai chạy, có cảm bèn lập tức có ứng, quyết định chẳng thể nói là không ứng. Ở phần trên, tôi đã nói về đạo lý cảm ứng đạo giao rồi, Cảm có bốn loại lớn, Ứng cũng có bốn loại lớn: Hiển Cảm Hiển Ứng, Hiển Cảm Minh Ứng, Minh Cảm Hiển Ứng, Minh Cảm Minh Ứng, những hiện tượng cảm ứng đạo giao chẳng ngoài bốn loại lớn này. Phật, Bồ Tát, A La Hán đều có năng lực, nhưng Như Lai cảm ứng vô điều kiện, trọn khắp chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, ứng hiện trọn khắp!

Bồ Tát và A La Hán có lúc phải có duyên phận, nhà Phật thường nói "*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*". Bồ Tát và chúng sanh có duyên phận bèn ứng, nếu không có duyên phận với chúng sanh ấy sẽ chẳng ứng. Vì sao? Lúc Ngài đến, chúng sanh hoàn toàn không vui thích, Ngài rất muốn giúp người ấy, nhưng kẻ ấy không ưa Ngài, chẳng tiếp nhận Ngài, Ngài không đến. Phật khác hẳn, Phật là vô điều kiện, nhưng sự ứng hiện của Phật như vừa mới nói, có hiển ứng (ứng hiện rõ ràng) và minh ứng (ứng hiện ngầm). Minh (冥) là thầm che chở, ban ơn cho quý vị mà quý vị chẳng nhận biết; Hiển (顯) là rất rõ ràng, quý vị có thể cảm nhận được. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy, vị Phật này tượng trưng cho Ứng Hóa Thân. Vị Phật sau cùng:

Như Tu Di Sơn Phật.

如須彌山佛。

Tu Di xuất hiện, "*biểu thị Pháp Thân thanh tịnh, làm Lý Thể cho hết thảy các pháp*". Như Tu Di Sơn Phật; ba thân ấy là một, "*viên chứng một thể ba thân*", ba thân là một nhưng ba, ba nhưng một, từ trí huệ mà nói thì là Báo Thân, từ Lý Thể mà nói thì là Pháp Thân, từ tác dụng mà nói thì là Ứng Hóa Thân; chứng đắc viên mãn một Thể ba thân. Quý vị thấy ba vị Phật này tương ứng với phương Đông, thấu triệt từ đầu đến cuối. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kể đó:

"*Trên đây đã nêu đại lược danh hiệu của các vị Phật, hàm ý rất sâu, ngầm dạy cho người niệm Phật tông chỉ trọng yếu trong lịch trình tu tập từ sơ phát tâm cho đến viên mãn Bồ Đề, như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, chẳng thể không biết*". Phật là trí huệ viên mãn rất ráo, phương pháp dạy học cao minh đến cùng tột, trong kinh Phật thường nói là "*phương tiện thiện xảo*", bốn chữ này chúng ta chẳng dễ gì lãnh hội nổi. Quý vị chú tâm quan sát mới hòng hiểu được Ngài hiển thị phương tiện thiện xảo như thế nào.

Quý vị thấy đó, đức Phật nêu lên những danh hiệu ấy, những danh hiệu ấy đều nhằm dạy chúng ta nên tu học như thế nào. Phương Đông là căn bản tu học, dạy cho quý vị pháp căn bản. Phương Nam là tu huệ. Phương Tây là tu phước. Phương Bắc là phải phước huệ đều đã có cơ sở rồi mới bắt đầu giáo hóa chúng sanh, phương Bắc là bắt đầu giáo hóa. Dạy học giúp tăng trưởng, quý vị muốn nâng cao cảnh giới của chính mình, muốn chứng đắc quả vị cao hơn mà quý vị không dùng phương pháp dạy học sẽ rất khó khăn. Bồ Tát không vị nào chẳng dạy học, không có vị nào chẳng phục vụ hết thảy chúng sanh. Vì hết thảy chúng sanh phục vụ là tu phước, dạy học là tu huệ, phước huệ song tu. Do vậy, thành Phật được gọi là Nhị Túc Tôn. Có huệ mà không có phước thì chẳng thể độ chúng sanh; có phước không huệ cũng chẳng thể độ chúng sanh. Phương Bắc là bắt đầu, rồi đến phương Hạ, phương Thượng. Sáu vị Phật ở phương dưới tượng trưng cho pháp môn Lục Độ của Đại Thừa Bồ Tát. Cuối cùng, phương trên là rất ráo viên mãn.

Quý vị thấy trình tự này, theo thứ tự thuận, mỗi một giai đoạn học một pháp môn nào, dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát để biểu thị pháp ấy; vì thế, những ý nghĩa này rất sâu. "*Ngầm dạy người niệm Phật*", chúng ta phải hiểu được mật nghĩa này. Thật đấy, đức Phật giảng kinh thuyết pháp "*ý tại ngôn ngoại*" (ý nằm ngoài lời), chúng ta phải lãnh hội, phải thấu hiểu được. Đấy chính là những điều tổ sư đại đức trước kia thường giảng, quý vị hiểu chẳng? Quý vị nghe có hiểu hay chẳng? Quý vị có thấu hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Có hiểu như vậy rồi, quý vị mới biết phải nên tu học như thế nào.

Pháp thế gian và xuất thế gian, tôi thường nói chỉ có người có trí huệ mới hòng nắm chắc cơ hội, mới thành công. Pháp thế gian như vậy mà Phật pháp cũng như vậy. Cơ hội ở trước mặt mà quý vị bỏ lỡ, bỏ lỡ lần này không biết đời nào kiếp nào mới có thể gặp gỡ. Phàm ai thành công thì chẳng có gì khác cả, phải nhận biết cơ hội, nắm ngay lấy cơ hội, người ấy sẽ thành công. Giống như người kinh doanh trong thế gian thường nói đến "cơ hội kinh doanh" hay "cơ duyên thương nghiệp", tức là cơ hội kiếm tiền, phải nhận thấy [cơ hội ấy] rất chuẩn xác, phải nắm ngay lấy, đầu tư vào đó, thực sự kiếm lợi. Cơ hội trước mắt mà để lỡ, không nắm lấy; Phật pháp cũng như vậy, phải nhận biết cơ duyên tu phước, tu huệ.

Bậc đại thánh đại hiền thế gian hay xuất thế gian không có gì khác cả, các Ngài không có lòng riêng tư, vì hết thảy chúng sanh phục vụ, nhà Phật gọi là "*độ sanh*". Độ sanh nghĩa là gì? Độ sanh nay gọi là phục vụ, phục vụ hết thảy chúng sanh vô điều kiện, có thể bỏ mình vì người, đây là đại từ đại bi. Đây gọi là tâm đại Bồ Đề. Người không chịu bỏ mình vì người, thủy chung không thể thành tựu. Quý vị nói mình niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng sanh có khổ nạn hy vọng mình giúp đỡ mà một chút cũng không chịu làm, trong tâm nghĩ như thế nào? Đợi đến khi tôi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, tôi học thành sẽ trở lại giúp quý vị, rõ ràng là hiện tại đủ sức giúp người, lại không chịu giúp, đợi về Tây Phương Cực Lạc thế giới học thành rồi mới giúp thì sẽ chẳng thể sanh về thế giới Cực Lạc được!

Thế nào mới là "đến Cực Lạc thế giới học thành rồi mới quay về"? Nay thấy chúng sanh khổ sở, nhưng chính mình thực sự không có năng lực giúp đỡ, mình cần phải sang Tây Phương Cực Lạc thế giới học lấy bản lãnh, vậy là đúng! Còn nếu nay quý vị có năng lực, nhưng không chịu làm, chính là trái nghịch bốn nguyện A Di Đà Phật. Có một phần năng lực thì giúp đỡ một phần, có hai phần năng lực bèn giúp hai phần, công đức viên mãn. Cửa ải khó khăn nhất của hết thảy chúng sanh học Phật là gì? Tiến thì ít, lui thì nhiều. Đừng nói bọn người sơ phát tâm chúng ta gặp phải cảnh duyên bất thuận liền lập tức ngã lòng, Tiểu Thừa cũng ngã lòng. Tứ Quả A La Hán ứng hóa trong thế gian này, thấy chúng sanh khó độ đều ngã lòng, huống chi lũ phàm phu sát đất chúng ta, phiền não tập khí chưa đoạn được phần nào, rất dễ thoái đọa, vừa lui sụt bèn đọa lạc. Đó là điều khẳng định!

Sách Liễu Phàm Tứ Huấn nói về tình hình khi ấy rất hay, lúc ấy nếu gặp được vị thiện tri thức chân chánh cảnh tỉnh mình, nâng đỡ mình, giúp đỡ mình, kinh Kim Cang gọi chuyện đó là "*thiện hộ niệm chư Bồ Tát*" (khéo hộ niệm các Bồ Tát), Như Lai giáo huấn: Các đại Bồ Tát thường phải chiếu cố các tiểu Bồ Tát. Tiểu Bồ Tát rất dễ thoái chuyển, rất dễ đọa lạc, lúc họ gặp phải thoái duyên [các đại Bồ Tát] phải gấp giúp đỡ họ. Chẳng dễ dàng

gì, chúng ta cứ nghĩ xem: Trong một đời ta có thể gặp được vị thiện tri thức thực sự hay không? Gặp được thiện tri thức thực sự là phước báo lớn lắm mới có thể giữ cho quý vị không bị thoái chuyển. Chướng duyên đâu đâu cũng có, chướng duyên do đâu mà có? Vô lượng kiếp tạo tác nghiệp chướng, nay chúng đều khởi hiện trên con đường Bồ Đề, chẳng thể không biết điều này. A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn thứ chín:

"Phật độ sanh, sanh thọ hóa, kỳ gian nan dị thâm thiền, tổng tại ư duyên, duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm, chủng chủng giáo khái, năng linh hoan hỷ tín nhập, năng linh xúc động túc chủng, năng linh ma chướng nan giá, năng linh thể tánh khai phát, chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch, cố kết duyên chủng, nhược thể xuất thế, tất bất khả tư nghị dã" (Phật độ sanh, chúng sanh nhận sự giáo hóa (thọ hóa), khó - dễ, cạn - sâu trong khoảng ấy nói chung là do duyên. Duyên tồn tại, ân đức sâu rộng, đủ mọi thứ dạy dỗ, khơi gợi khiến cho [người được hóa độ] hoan hỷ tin nhập, khiến cho xúc động túc chủng, khiến cho ma chướng khó ngăn trở, khiến cho thể tánh khai phát. Chư Phật vốn từ Pháp Thân thị hiện ứng hóa, kết chắc duyên chủng. Dù là thế pháp hay xuất thế pháp thảy đều chẳng thể nghĩ bàn). Ý nghĩa của đoạn này rất sâu, đó chính là lời đại sư Ngẫu Ích đã viết trong sách Yếu Giải, đặc biệt là người phát tâm theo đuổi công cuộc hoằng pháp và người làm nhiệm vụ hộ pháp không thể chẳng hiểu đạo lý này. Nếu không hiểu đạo lý này, trên con đường tự hành hóa tha chúng ta không thể tránh khỏi ngã lòng, đó là hiện tượng tất nhiên. Phật độ chúng sanh, "độ" là giáo hóa, chỉ dạy chúng sanh. Chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật. Chữ "hóa" ý nghĩa rất sâu, chúng tôi thường nói là "tiếp nhận giáo huấn". Nói "tiếp nhận giáo huấn" chỉ là nói một bên, không viên mãn. Dạy rồi thì sao? Dạy rồi, quý vị có học hay chẳng? Quý vị không chịu học thì sự giáo huấn ấy không thành tựu, không có thành tích.

"Hóa" (化) là có thành tích, có biến đổi khí chất, thực sự có thành tựu và thành tích. Cổ nhân nói *"độc thư chí tại biến hóa khí chất"* (đọc sách hòng biến đổi khí chất), phải có chuyển biến, chuyển biến là biến hóa, chuyển ác thành thiện! Thực sự chuyển được! Chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, đầy đều là thành tích dạy học được hiển lộ cụ thể. Có thể chuyển phàm thành thánh, hóa phàm thành thánh chính là thành tích tốt nhất, là thành tích viên mãn. Có thể chuyển mê thành ngộ là thành tích bậc nhì. Có thể dạy cho chúng sanh chuyển ác thành thiện là thành tích bậc ba.

Giống như cổ nhân Trung Quốc dùng cách đánh số Giáp, Ất, Bính... thì chuyển phàm thành thánh là hạng Giáp, chuyển mê thành ngộ là hạng Ất, chuyển ác thành thiện là hạng Bính v.v... Trong chữ Hóa có những ý nghĩa như thế đó, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, chắc chắn biến hóa! Mức độ thấp nhất là chuyển ác thành thiện, thực sự khởi biến hóa.

"*Kỳ gian nan dị thâm thiên, tổng tại ư duyên*" (Trong ấy, khó - dễ, cạn - sâu, nói chung là do duyên). Duyên: Chẳng riêng gì Phật pháp nói đến duyên, mà pháp thế gian cũng nói đến duyên. Rất nhiều người không biết ý nghĩa này, học trò theo học với thầy phải có duyên. Duyên từ đâu mà có? Học trò tôn trọng thầy, yêu thích vị thầy ấy, thầy cũng yêu mến trò, thầy trò ấy có duyên rất sâu. Duyên sâu như thế nào? Học trò nghe lời, thầy khéo dạy, do vì trò tôn trọng thầy, thực sự tôn trọng, tôn trọng như thế nào? Ý giáo phụng hành. Thầy dạy rồi mà nếu ta không làm được, tự cảm thấy mình phụ lòng thầy. Đây là sức thúc đẩy của duyên. Thầy cũng như vậy, học trò thực sự chịu học, nếu thầy không dạy cho giỏi, thầy cảm thấy sai trái đối với học trò.

Trước kia, tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý thường dạy tôi, toàn là những lời cổ nhân đã nói: Học trò đối với thầy có mười phần thành kính, theo học với thầy; nếu thầy chỉ dạy chín phần, còn thiếu một phần là có lỗi với học trò. Nếu học trò chỉ tôn kính thầy năm phần, thầy chẳng thể dạy trò đến sáu phần, vì sao? Dạy sáu phần là nhiều hơn một phần, trò chẳng thể hấp thụ. Nó chẳng thể tiếp nhận, đúng là lãng phí hơi sức! Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư có nói rất hay: "*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*". Do vậy, thầy dạy học quyết định phải có học trò mười phần thành kính, những gì thầy giảng đều phơi bày trọn vẹn, không giữ lại một tí nào. Nếu tâm thành kính chưa đủ thì quý vị có được mấy phần thành kính sẽ lãnh hội được mấy phần. Nếu không có tâm thành kính, sẽ chẳng đạt được phần [lợi ích] nào hết! Điều đó cũng không sao! Vì sao? Quý vị thuộc loại dự thính, cũng tính là có duyên, tốt lắm! Bởi lẽ, thông thường quý vị hướng về thầy thỉnh giáo, thầy chẳng thể dạy quý vị, nay trong giảng đường có học trò mười phần thành kính, thầy bèn giảng những pháp tinh túy, mình có thể nghe ké bên cạnh. Nghe được bao nhiêu thầy không chịu trách nhiệm.

Do vậy, đức Phật thuyết pháp (đây là những chuyện chúng ta thường thấy trong kinh điển, nhưng chúng ta đọc mà không hiểu, đến khi tổ sư chú giải mới chỉ ra), bậc đương cơ khi ấy là người mười phần thành kính, đức Phật đối với người ấy nói pháp đó, những kẻ khác là bàng thính (nghe ké). Như đức Thế Tôn giảng kinh Hoa Nghiêm, đương cơ của kinh Hoa Nghiêm là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, tức Pháp Thân Bồ Tát; Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác là bàng thính, Phật chẳng giảng cho những

người ấy, nhưng gặp được duyên thì cũng coi như không uổng, gieo được chủng tử vào A Lại Da Thức. Do vậy, "tổng tại ư duyên" (nói chung là do duyên).

"Duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm" (Duyên tồn tại, ân đức sâu rộng), một đời tôi gặp được ba vị thầy, đúng là ân đức sâu rộng. Chúng ta làm học trò tôn trọng, kính yêu thầy, đối với học trò như vậy, thầy chăm chút trò không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm, chúng ta cảm kích ân thầy dạy bảo. Dùng gì để tỏ lòng cảm kích? Y giáo phụng hành, ta thường nói là đem công đức do chính mình tu học, công đức hoằng pháp lợi sanh, công đức hộ pháp hồi hướng về thầy, báo ân thầy. Khi xưa, thầy dạy ta chẳng uổng công, chúng ta tiếp nối huệ mạng của Phật, giống như chạy đua tiếp sức, thầy giao cây gậy cho ta, ta nhất định phải hoàn thành. Rồi ta lại giao cho người khác tiếp sức. Người tiếp sức là ai? Là người đối với Phật, đối với Pháp, đối với thầy có tâm thành kính. Không có thành kính thì quý vị chẳng nắm được cây gậy ấy. Pháp thế gian hay xuất thế gian đều là một lòng Thành, một lòng Kính. "Bất Thành vô vật" (không có lòng Thành chẳng ra gì), dầu như thế nào cũng không đáng bàn đến nữa! Vì vậy, phải có thành kính, có ân đức.

"Chúng chúng giáo khai" (đủ mọi thứ dạy dỗ, khơi gợi), Giáo (教) là giáo hối (教誨: dạy dỗ); Khai (啟) là khai phát (啟發: khơi mở, khơi gợi). "Năng linh hoan hỷ tín nhập" (Có thể khiến cho vui thích tin nhập), học trò thực sự có lòng chân thành, cung kính, tôn sư trọng đạo, nghe lời thầy dạy bảo bèn hoan hỷ, tin tưởng, không ngờ vực, sẽ có thể khế nhập. "Nhập" (入) có nghĩa là giải ngộ, chứng ngộ, hiểu được, hành được, chứng được, đó là "nhập". Đó là học trò dễ dạy. Ta thường nói là đứa học trò "có ngộ tánh", vừa nói liền hiểu, hiểu rõ ràng. Kẻ căn tánh kém cỏi hơn, khó lắm! Quý vị có giảng cho nó, nó cũng không hiểu, cứ vẫn tùy thuận tập khí phiền não, không quay đầu lại, hạng người như vậy nhiều lắm! Thực sự nghe rồi tin tưởng, hiểu biết, lại y giáo phụng hành, thực sự ra, trong ngàn vạn người chưa được một kẻ!

Trên thực tế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói, nhưng chưa bao giờ đề cập đến chuyện này, chúng tôi thường nói "hiếu học", quan trọng nhất là chữ "hiếu", "hiếu" (好) là ưa thích! Con người chỉ cần hiếu học thì sẽ nhất định gặp được vị thiện tri thức thực sự, vì sao? Cảm ứng! Hiếu học là năng cảm, sẽ cảm động được chư Phật, cảm động thiện tri thức. "Hiếu" chắc chắn sẽ y giáo phụng hành, quý vị chịu học, tin được, hiểu được, nhưng làm chưa được thì chưa phải là hiếu học, chưa đủ điểm đạt chữ

Hiếu, chưa đạt tiêu chuẩn. Thực sự "*hiếu*" thì nhất định y giáo phụng hành, nhất định làm được.

Duyên quan trọng lắm! Cùng một đạo lý ấy, mười phương thế giới chư Phật rất nhiều, vì sao chúng ta lại khẳng khái niệm A Di Đà Phật? Vì sao không niệm đức Phật khác? A Di Đà Phật có duyên với ta, ta yêu mến Ngài, Ngài cũng yêu thích ta, có duyên đấy! Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Sao biết là có duyên? Vừa tiếp xúc kinh điển Tịnh Độ bèn hoan hỷ, đó là có duyên. Vừa nghe liền hiểu, hiểu rồi lại thực sự chịu làm, y giáo phụng hành, từ những điều đó mà thấy. Thay bằng bộ kinh khác thì cũng có thể tin tưởng, cũng rất hoan hỷ. Có lúc rất nhiều chỗ mình không hiểu, phải đi hỏi người khác, nghe người khác giảng tựa hồ người ta cũng không hiểu rõ ràng, không có cách nào y giáo phụng hành; hoặc hiểu nhưng hành chẳng dễ, khó lắm. Pháp môn này dễ dàng, thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng lại thành công viên mãn, bởi thế có duyên!

Trong hàng Bồ Tát cũng có rất nhiều Bồ Tát, lại khẳng khái niệm Quán Thế Âm Bồ Tát là vì nguyên nhân nào? Quán Thế Âm Bồ Tát có duyên với người thế giới Sa Bà. Bởi thế ngàn ngữ Trung Quốc thường nói: "*Gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật*" (Nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật). Di Đà, Quán Âm tựa hồ đặc biệt hữu duyên với người Hoa, duyên phận lại rất sâu, đạo lý là như vậy. Mười phương chư Phật cũng đều biết, đại khái Di Đà, Quán Âm chẳng những có duyên với chúng ta ở nơi đây mà mười phương chúng sanh đều có duyên phận rất sâu xa với hai Ngài. Do vậy, chư Phật Như Lai tuyên dương, chư Phật Như Lai khuyên ta phát tâm học theo Di Đà và Quán Âm. Quả thật, mấy câu tiếp theo đó quả thật đã giải thích hết sức rõ ràng về hiệu quả của cái duyên sâu xa.

"*Năng linh xúc động túc chủng*" (có thể dấy động những chủng tử xa xưa), "*túc chủng*" là chủng tử thiện căn trong đời quá khứ. Thiện tri thức, thầy dạy dỗ khiến cho những chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức bị động chạm; nói cách khác, sự học tập của quý vị tiếp nối sự học tập trong quá khứ, duyên ấy tốt lắm! Tiếp nối sự học tập trong quá khứ, sự học tập ấy vốn bị gián đoạn; vì sao bị đoạn? Mê khi cách ấy, chúng ta là thân nghiệp báo, lúc đầu thai quên mất chủng tử thiện căn trong đời trước; dẫu có, nhưng không khởi hiện hành, không khởi tác dụng. Thiện tri thức chỉ dạy không ngừng, hoát nhiên khai ngộ. Ngộ có nguyên nhân là do trong đời quá khứ đã từng tu học rồi. Thầy là Tăng Thượng Duyên.

"*Năng linh ma chướng nan giá*" (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở), thật đấy! Trên đường Bồ Đề, quý vị muốn tu hành, muốn hóa độ chúng sanh, luôn bị ma chướng ngăn trở. Nếu có thiện tri thức chỉ dạy, ma cảnh ấy sẽ hóa giải. Hóa giải như thế nào? Vì quý vị có trí huệ, nhớ kỹ lời dạy của thiện tri thức, không hoài nghi, không mê hoặc. Ma chướng có

thuận cảnh và nghịch cảnh, nếu quý vị có trí huệ, có huệ nhãn, quý vị sẽ thấy được. Thuận cảnh là gì? Mọi chuyện đều rất như ý, khiến quý vị khởi tham ái. Phải biết tham ái là phiền não, là một trong ba độc. Trong tình cảnh ấy, quý vị khởi tham ái không phải là chuyện tốt, ma chướng hiện tiền. Quý vị có trí huệ thì ma chướng không thể chướng ngại, quý vị có thể đối phó hết sức giỏi. Biết ơn, báo ơn, cảm ơn, cung kính đức, sẽ chẳng sanh phiền não. Phiền não là tham ái, chẳng sanh tâm tham, không ngu si.

Nếu ma chướng là nghịch cảnh thì nghịch cảnh sẽ như thế nào? Khiến cho quý vị nóng giận, sanh ghen ghét, ý niệm bất thiện sanh khởi. Quý vị phải nhận biết rõ ràng. Nếu quý vị có trí huệ, sẽ chuyển nghịch cảnh thành thuận cảnh, chẳng những nó không thể chướng ngại quý vị mà có lúc còn nâng cao [cảnh giới của] quý vị lên nữa. Bởi thế, cổ đức dạy cho chúng ta một câu thành thực: "*Bồ Đề đạo thượng, vô Phật diệt vô ma*" (Trên đường Bồ Đề không có Phật mà cũng không có ma). Đúng như vậy đó! Phật và ma từ đâu có? Một niệm giác thì hữu tình và vô tình đều là cảnh giới Phật; một niệm mê thì hữu tình và vô tình đều là cảnh giới ma. Thưa thật cùng quý vị, quả thật không có Phật lẫn ma, ma và Phật chỉ do tự tánh biến hiện. Đây chẳng phải là điều kinh Phật thường nói đó ư? Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng. Tâm tưởng của ta giác chứ không mê thì hết thấy pháp đều là Phật pháp. Tâm tưởng của ta mê hoặc, điên đảo, mê chứ không giác thì hết thấy pháp đều là ma chướng. Bởi thế, Phật và ma chỉ là cảnh giới do ý niệm của chính mình biến hiện.

Trong thời gian gần đây, ai nấy đều thấy những thí nghiệm kết tinh nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, từ những tỷ dụ ấy, quý vị có thể hiểu: Chúng ta dùng thiện tâm, một niệm thiện, tâm yêu thương, tâm cảm tạ thì quý vị thấy nước sẽ kết tinh đẹp đẽ dường ấy. Nếu chúng ta dùng ác niệm, tâm thái rất bất hảo đối với nước thì nước sẽ kết tinh hết sức khó coi. Nước không tốt cũng không xấu, xấu hay tốt là do tâm ta, do ý niệm của chúng ta, nước chuyển biến theo tâm niệm của chính chúng ta.

Vì thế, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: "*Cảnh duyên vô hảo xấu*" (cảnh duyên không tốt, xấu). "*Cảnh*" là hoàn cảnh vật chất. "*Duyên*" là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Cũng có thể nói là hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự đều không có Phật mà cũng không có ma. Phật tượng trưng cho cái tốt, ma đại diện cho cái xấu, không tốt xấu. "*Hảo xấu tại ư tâm*" (xấu hay tốt do tâm), do chính cái tâm của chúng ta, do ý niệm của mình! Giống như nước, nước chẳng tốt hay xấu. Chúng ta dùng thiện niệm đối với nó, nó sẽ biến thành rất đẹp đẽ. Chúng ta dùng ác tâm đối đãi nó, nó biến thành xấu xa. Bản thân nước quả thật không tốt hay xấu. Quý vị phải hiểu đạo lý này: Tổ sư dạy chúng ta hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự là bình đẳng, thực sự thanh tịnh, bình đẳng, chỉ do tâm hiện.

Chúng ta thấy tốt hay xấu là do thức của chính mình biến hiện. Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hoàn cảnh bên ngoài biến hiện thuận theo tâm niệm.

Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã giảng: "*Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*" (Tịnh Độ là phương này, phương này là Tịnh Độ). Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà của chúng ta không hai, không khác! Không khác gì nhau! Vì sao trên mặt Sự lại có sai biệt quá lớn như thế? Tâm con người không giống nhau. Tâm của người thế giới Cực Lạc là tâm thiện, nên núi, sông, đại địa, hữu tình, vô tình đều biến thành tốt lành phi thường. Người trên địa cầu này tâm bất thiện, tự tư, tự lợi, tham, sân, si, mạn. Vì thế, hữu tình, vô tình, núi, sông, đại địa đều biến thành đời ác ngũ trược. Nếu có thể lìa khỏi cái tâm niệm của người đang sống nơi đây thì Cực Lạc và Sa Bà bình đẳng, một tí sai khác cũng chẳng có! Sai biệt bất đồng là do tâm hạnh của cư dân [trong hai thế giới] khác nhau. Chúng ta muốn biến quả địa cầu này thành thế giới Cực Lạc thì trên lý luận chẳng khó gì, chỉ cần cư dân sống trên địa cầu này có thể đoạn ác tu thiện, đều có thể phá mê khai ngộ thì hữu tình, vô tình, núi, sông, đại địa thảy đều biến thành thế giới Cực Lạc, vô lượng các thứ báu trang nghiêm. Lý như thế, Sự cũng như thế. Do vậy, chân thiện tri thức có thể giúp đỡ mình, đúng là "*năng linh ma chướng nan giá*" (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở).

Những vị thầy của tôi, ba vị thầy của tôi đều vãng sanh cả rồi. Thầy Lý mất sau cùng, cũng đã cách đây mười hai năm rồi. Trong mười hai năm ấy chúng tôi đã trải qua không ít ma chướng, nhưng đều có thể vượt qua rất thuận lợi. Đó là vì nguyên nhân nào? Vì chúng tôi nhớ kỹ những lời thầy dạy trước kia; lúc gặp phải chướng nạn, chúng tôi biết hóa giải như thế nào, chẳng bị ngăn trở, quấy nhiễu ra sao, làm sao nâng cao cảnh giới của chính mình, làm sao nâng cao, kế tục việc tự hành hoằng pháp chẳng đến nỗi gián đoạn giữa chừng, đều là do thầy dạy dỗ. Nếu thầy không chỉ dạy chúng tôi, quả thật chúng tôi không có năng lực đối phó ma chướng. Vì sao? Chắc chắn sẽ cùng ma chướng kinh chống, nhất định sẽ nóng giận, mắc sai lầm. Oan gia nên cời không nên buộc, kéo kết oán cùng người. Nay chúng ta đã hiểu phương pháp, gặp phải oán đối, từ nội tâm có thể hóa giải oán kết, từ đó đôi bên cùng được lợi ích, chẳng kết oán hận.

"*Năng linh thể tánh khai phát*" (Có thể khiến cho thể tánh khai phát), câu này nói về mọi người chúng ta, giúp cho ta được khai ngộ, nhà Thiền gọi "*thể tánh khai phát*" là "*minh tâm kiến tánh*". "*Khai*" là khai ngộ, "*phát*" là thấy rõ, Tịnh Tông gọi là "*nhất tâm bất loạn*"; thể tánh khai phát chính là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền, là cảnh giới đại khai viên giải trong Giáo Hạ. Chỉ là ba pháp môn bất

đồng, phương pháp tu học bất đồng, mà nói ra danh từ thuật ngữ khác biệt, chứ thật ra chỉ là một cảnh giới. Vì vậy, Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, là đại khai viên giải, ở đây gọi là "*thể tánh khai phát*". Trong Phật pháp gọi bản thể của vũ trụ vạn hữu là Phật Tánh và Pháp Tánh; nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh gọi chung là Thể Tánh, quý vị hiểu rõ, tức là khai phát vậy.

Chuyện này rất khó hiểu, cũng rất khó giảng rõ. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở. Nếu quý vị hiểu rõ, sẽ giúp ích rất lớn cho việc tu học, lợi ích lớn nhất chính là câu nói ở phần trên: "*Năng linh ma chướng nan giá*" (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở). Quý vị thực sự hiểu được đạo lý này sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề, tinh tấn không lười, không chướng ngại. Phật tánh: Phật Tánh là gì? Bản năng (năng lực, khả năng sẵn có) của sáu căn là Phật Tánh, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, ý biết, đó là bản năng. Bản năng là Phật tánh. Pháp Tánh là gì? Sáu căn tiếp xúc với những đối tượng bên ngoài là Pháp Tánh. Chúng ta dùng tánh Thấy để thấy sắc tướng bên ngoài, thì cái sắc tướng bên ngoài ấy là Pháp Tánh.

Tổ sư đại đức thường nói cái niệm thứ nhất chính là chánh niệm! Niệm thứ nhất không khác không hai với niệm của chư Phật Như Lai. Vì thế, quý vị là Phật, Như Như Phật; thế nhưng vấn đề nằm ở đâu? Cái niệm thứ hai là phiền toái rồi, bị đọa lạc, chẳng thể duy trì cái niệm thứ nhất. Do cái niệm thứ nhất không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, chúng vẫn chưa khởi lên. Cái niệm thứ hai là khởi tâm động niệm, vừa khởi tâm động niệm bèn rớt vào ý thức, trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có nơi tự tánh bị biến thành ý thức, biến thành tám thức, hỏng rồi, đọa lạc phàm phu rồi. Hề đọa lạc bèn tự nhiên khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là A Lại Da Thức. Phân biệt là thức thứ sáu: Ý Thức. Chấp trước là Mạt Na, phải biết như thế. Trong Tự Tánh không có những thứ ấy. Tự Tánh, Chân Tâm, trong Chân Tâm không có những thứ đó. Những thứ đó là nhiễm ô, những thứ ấy gọi là Bất Giác. Có những thứ ấy, quý vị sẽ chẳng giác, nhà Phật gọi quý vị là phàm phu. Quý vị không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì Phật pháp gọi quý vị là thánh nhân, gọi là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu sai biệt ở chỗ này!

Phật, Bồ Tát vĩnh viễn giữ được cái niệm thứ nhất, tuyệt đối chẳng rớt vào niệm thứ hai, bởi thế gọi là "*nhất tâm bất loạn*". Chúng ta có nhất tâm, nhưng cái nhất tâm ấy hết sức nhanh chóng, lập tức rớt vào hai, ba, bốn, lập tức đọa lạc. Đọa lạc rồi thì mắt ta thấy bèn thành Nhãn Thức thấy Sắc Trần, không gọi là Sắc Tánh; Nhĩ Thức nghe Thanh Trần. Đó là cảnh giới phàm phu. Tâm hạnh như vậy sẽ luân hồi trong lục đạo, biến Nhất Chân pháp giới thành lục đạo luân hồi. Phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ sự thật

chân tướng. Thực sự hiểu được, thực sự hiểu rõ thì lục đạo và chín pháp giới há có chướng ngại? Vì sao không chướng ngại? Vì nó là hư huyền, không thật.

Kinh Kim Cang nói: "*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyền, bào, ảnh*" (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng), lục đạo, mười pháp giới là mộng, huyền, bọt, bóng. Trong ấy, chỉ cần quý vị giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm thì quý vị vẫn trụ trong Nhất Chân pháp giới. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, phàm phu chúng ta luân hồi trong lục đạo, trụ trong đời ác ngũ trược, còn các Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới, không tiêm nhiễm mảy may. Các Ngài hòa quang đồng trần với chúng ta, cùng ăn uống vui chơi hết như ta, cùng chuyện vãn giống như ta, nhưng hai cảnh giới bất đồng, một đẳng giác, một đẳng mê. Người giác trụ trong Nhất Chân pháp giới, kẻ mê trụ trong đời ác ngũ trược do chính mình biến hiện, khác hẳn nhau! Sai khác ở chỗ này!

Thân cận bạn lành thì Phật là bạn lành bậc nhất, chúng ta phải thân cận A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở nơi đâu? Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chính là A Di Đà Phật. Nếu chúng ta đọc không hiểu, không nhận biết, ắt phải có người giới thiệu, người giới thiệu là ai? Tổ sư, đại đức chú giải chính là người giới thiệu. Quý vị thấy kinh A Di Đà có ba người giới thiệu tốt nhất: Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư và U Khê đại sư, ba vị giới thiệu rất hay! Đó là Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư và Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Nay đang nhằm lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm có hai người giới thiệu: Thanh Lương đại sư và trưởng giả Lý Thông Huyền. Chúng ta dựa theo chú giải của hai vị này để học tập. Như vậy, không có những vị thực sự hữu tu hữu học, những vị khế nhập cảnh giới ấy dẫn dắt chúng ta, ta sẽ khó lòng lãnh hội những ý nghĩa thực sự rất sâu trong kinh điển, rất khó khế nhập. Đối với chúng ta, những chú giải ấy quan trọng lắm.

Xưa kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ coi bộ Sớ Sao của ngài Thanh Lương, bộ Hợp Luận của Lý trưởng giả (tức ngài Táo Bá Lý Thông Huyền) là quốc bảo của văn hóa Trung Quốc, tôn trọng không gì sánh bằng. Vì thế, cụ có thể khế nhập. Chưa có vị xuất gia hay tại gia đại đức cư sĩ giảng giải cho cụ cả! Chưa từng tiếp xúc các đại đức nhà Phật, cụ hoàn toàn tự đọc kinh ở nhà. Làm sao cụ có thể đọc hiểu? Không có chi khác, thành kính mà thôi! Phương pháp cụ đã dùng sau này thầy Lý đem dạy chúng tôi: "Chí thành cảm thông!" Phương tiên sinh quả thật chí thành cảm thông, không ai giảng giải, cũng không có ai để bàn bạc, không ai cùng học tập, không hề, chỉ có mỗi một mình! Chúng tôi thấy cụ thành tựu, thấy cụ dạy trong trường. Lúc ấy, không có máy thâu hình, chỉ có máy thâu âm. Từ băng thâu âm, học trò

ghi lại lời lão nhân gia giảng giải chính đốn thành văn tự, nay chỗ nào cũng lưu thông, chẳng thể nghĩ bàn. Phần sau nói:

"*Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tích*" (Chư Phật vốn từ Pháp Thân thị hiện ứng hóa), câu này rất quan trọng. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là Lý Thể. Ở phần trên nói đến thể tánh, thể tánh chính là Pháp Thân. Chư Phật, Như Lai do đâu mà có? Chúng sanh có cảm, Pháp Thân có ứng. Pháp thân ứng như thế nào? Pháp Thân hiện tướng ứng hóa. Pháp Thân vốn không tướng, nhưng có thể hiện tướng, hiện tướng chính là thân Ứng Hóa của chư Phật; giống như ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ là thân Ứng Hóa. Chúng sanh có cảm, Pháp Thân bèn ứng. Pháp Thân là một, chỗ nào có cảm, bèn ứng chỗ đó. Thân ứng hóa vô lượng vô biên, ngàn trăm ức hóa thân. Trăm ngàn ức vẫn là con số có thể tính toán được, chứ trên thực tế, không thể tính được số. "Trăm ngàn ức" chỉ là hình dung, chỉ mang ý nghĩa biểu thị vô lượng vô biên, chỗ nào chúng sanh có cảm bèn lập tức ứng [nơi đó].

Nên dùng thân nào để độ chúng sanh, bèn hiện thân đó. Vì thế ở đây bảo là: "*Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tích*". Câu này bao gồm cả các Bồ Tát, các Bồ Tát cũng giống như vậy. Chẳng những bao gồm Bồ Tát, mà còn gồm cả Thanh Văn, bao gồm Duyên Giác, bao gồm già, trẻ, trai, gái các ngành nghề trong thế gian. Chẳng phải ai nấy đã từng đọc phẩm Phổ Môn rồi ư? Nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thấy ba mươi hai ứng thân trong phẩm Phổ Môn chỉ là nêu thí dụ, chia những thân phận ứng hiện thành ba mươi hai loại, trong mỗi một loại lại có vô lượng vô biên thân, thảy đều là "*Pháp Thân thù tích*".

"*Cố kết duyên chủng*" (kết chắc duyên chủng). "Cố" (固) là kiên cố, vì sao? "*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*" (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Kinh luận nhà Phật thường nói điều này. Như vậy, chúng ta và hết thảy chư Phật đều có duyên, cũng có duyên với hết thảy Bồ Tát. Đối với hết thảy chúng sanh cũng đều có duyên giống như vậy. Hiện thời gọi "duyên" là "quan hệ"; hiện nay không gọi là "duyên" mà gọi là "quan hệ". Chúng ta có quan hệ với Phật, có quan hệ với Bồ Tát, có quan hệ với Thanh Văn, Duyên Giác, quan hệ hết sức mật thiết với hết thảy chúng sanh, há có thể nói là không quan hệ được ư? "*Nhược thế xuất thế*" (Dù là thế gian hay xuất thế gian), thế gian là chín pháp giới chúng sanh; xuất thế là tứ thánh, "*tất bất khả tư nghị dã*" (thảy đều chẳng thể nghĩ bàn). Đúng là chẳng thể nghĩ bàn, không giả. Không một chúng sanh nào chẳng hữu duyên với ta, chẳng những hữu tình chúng sanh có

duyên với ta, mà vô tình chúng sanh cũng đều chẳng ngoại lệ.

Kinh Hoa Nghiêm nói "*tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*" (hữu tình và vô tình, đều viên thành Chung Trí). Hữu tình lẫn vô tình đều chẳng ngoại lệ; nhưng sao lại nói kẻ này có duyên với ta, kẻ kia vô duyên? Đều là hữu duyên cả, nhưng trong duyên lại có thân và sơ. Ví như người cùng một nhà, cha con một nhà thân thiết nhất, chúng ta thường nói là thân thiết bậc nhất, có duyên mật thiết nhất. Thứ hai là huynh đệ, anh em, chị em, anh chị em cùng một bọc là thân thiết bậc nhì, đến đời thứ ba là con cháu ruột và cháu họ là mối thân thiết bậc ba. Như vậy là có thân và sơ khác nhau. Hết thầy đều có quan hệ, nhưng thân hay sơ khác nhau. Có thể dùng pháp thế gian để so sánh với Phật pháp, Phật pháp cũng giống như vậy. Ta và hết thầy chư Phật Như Lai đều hữu duyên, đó là chuyện thật, không giả đâu! Nhưng trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, đã thường lai vãng với một vị Phật nào đó, thường xuyên thân cận là có duyên với vị ấy, khác hẳn cái duyên đối với những vị Phật khác. Duyên do là như vậy.

Trong vòng bầu bạn, chúng ta thường qua lại với những ai thì tình cảm đối với những người ấy khác với những người khác. Có như vậy, quý vị mới thực sự hiểu vì sao nhà Phật thường nói "*Phật bất độ vô duyên chi nhân*" (Phật chẳng độ kẻ vô duyên), mới thực sự hiểu được đạo lý này. Nói thật ra, ai mà không có duyên? Đều có duyên hết. Phật chẳng độ kẻ vô duyên là vì duyên ấy quá ít, quá mỏng. Duyên sâu, duyên dày thì gặp mặt bèn sanh lòng vui thích, chúng ta gọi là "rất hợp duyên". Đó là vì trong đời đời kiếp kiếp quá khứ thường chung đặng, hoặc thường làm người một nhà, hoặc thường làm bạn bè tốt, thường là đồng tham đạo hữu, duyên ấy rất sâu, rất dễ dung hòa. Hai bên có thể tạo dựng mối quan hệ tin tưởng, tôn trọng, tin cậy, nương tựa lẫn nhau, duyên sâu là như vậy đó! Phải hiểu đạo lý này, chứ không phải là thực sự chẳng có duyên. Núi, sông, đại địa, thực vật, khoáng vật thầy đều có duyên.

Nếu quý vị bảo là không có duyên thì nước kia vì sao quý vị dùng cái tâm yêu thương đối với nó, nó liền kết tinh như một đóa hoa rất đẹp, vì sao nó lại có thể kết tinh như thế? Từ chỗ này, quý vị mới vỡ lẽ: Hữu duyên! Dùng ý niệm bất hảo đối với nó, nó hiện ra xấu xí. Đó là duyên. Nếu bảo là không có duyên làm sao giảng cho thông? Duyên ấy chính là gì? Thể tánh. Một thể tánh, nơi vô tình chúng sanh, nước là vô tình thì thể tánh ấy được gọi là Pháp Tánh, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh gọi gộp lại là "*thể tánh*". Do vậy, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng thể nghĩ bàn. Nay đã hết giờ rồi!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, Phần 11 hết

^{8[1]} Kim Cang Lực Sĩ là thần hộ pháp của Phật giáo. Vị này thường được coi là hóa thân của Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapani). Kim Cang Lực Sĩ là danh xưng chung để chỉ các vị thần hộ pháp tay cầm Kim Cang Xử bảo vệ Phật pháp như Kim Cang Mật Tích (Guhyapāda-Vajra), Na La Diên Kim Cang, Chấp Kim Cang Thần (Vajradhara, còn dịch là Trì Kim Cang, Kim Cang Thủ, Kim Cang Đa Xoa, Đại Lực Kim Cang Thần, Kim Cang Lực Quỷ Thần) v.v... Theo sách Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 24: "*Na La, cõi này dịch là Nhân (con người), Diên cõi này dịch là Bốn Sanh. Na La Diên là Nhân Bốn Sanh (sinh ra con người), tức là Phạm Vương vậy*". Như vậy, Na La Diên là danh xưng khác của Phạm Vương.

^{9[2]} Tiên thiên: Những gì được bẩm sanh, tức là điều kiện về thân thể được hình thành từ lúc bắt đầu mang thai cho đến khi được sinh ra. Hậu thiên là những biến đổi về thân thể do cách nuôi dưỡng và chăm sóc.

^{10[3]} "*Cách hành như cách sơn*" là một thành ngữ, hàm ý: Không phải là người chuyên môn trong một nghề nghiệp sẽ cảm thấy xa lạ đối với nghề nghiệp ấy giống như thuộc vào một thế giới khác, hoặc bị ngăn cách, che lấp bởi một rặng núi to, không thể thấy được những chuyện trong lãnh vực ấy.

^{11[4]} Ngũ Luân là năm mối quan hệ chính yếu trong xã hội, tức cha con, vua tôi, anh em, vợ chồng, bè bạn. Do trong năm mối quan hệ này, mỗi mối quan hệ đều có quan hệ song phương nên mỗi mối quan hệ đều bao gồm hai ý nghĩa, vì thế mới nói là ngũ luân thập nghĩa. Câu nói trên đây trích từ thiên Đăng Văn Công trong sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

^{12[5]} Bút ký ở đây chính là cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo của hòa thượng Tịnh Không.

^{13[6]} Thượng Sư là dịch nghĩa chữ Guru trong tiếng Phạn. Đôi khi còn dịch là Đạo Sư, Đại Sĩ. Chữ Guru ban đầu chỉ có nghĩa là bậc thầy, chuyên gia dày kinh nghiệm về một lãnh vực nào đó. Trong Ấn Độ Giáo và đạo Sikh, chữ Guru thường được chỉ những bậc hành giả đạt kinh nghiệm tâm linh cao, thực chứng. Riêng trong Phật giáo Tây Tạng, chữ Guru Rinpoche chỉ dành riêng để gọi Liên Hoa Sanh đại sĩ (Padmasambhava), sáng tổ Phật giáo Tây Tạng.

^{14[7]} Chữ "giải phóng" ở đây chỉ thời điểm Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, tức là khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Hoa Lục, chánh phủ Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập ngày Mồng Một tháng Mười năm 1949. Như vậy, hòa thượng Tịnh Không sang thăm cụ Hoàng là vào năm 1989.